25

Mua số 208 (16-11-1934)

PHẬT-GIÁO TÂN LUẬN

佛教新論

■

Chúng ta là một loài trong quần-sinh, cái quần-sinh tự mình phải sống mà phải còn. Không biết từ đâu bắt buộc mà chỉ biết rằng thủo giờ cứ phải thế, không thế không được. Khéo ra thì cái sống và cái còn ấy được đầy đủ rồi thịnh lên mà tiến ; vụng ra thì bị thiếu-thốn rồi suy đi mà diệt.

Tránh đã không được, mà chán-nản ngâm-ngùi thì chỉ càng thêm lăng cái khổ thiếu-thốn, chóng suy và chóng diệt đi mà thôi. Nghiệm thấy như vậy đã nhiều rồi.

Khác với loài sinh-vật, chúng ta được ưu-hậu về phần trí-năng, muốn cho cái sống và cái còn của chúng ta ấy được ngày càng thịnh mà tiến, chúng ta phải hết sức đem trí-năng kia mà tìm lấy sự biết và sự lợi, nên chi chúng ta phải đặt bày ra sự học.

Thế nhưng loài người cũng vì được ưu-hậu về phần trí-năng, nên người ta không đành lòng mỗi người chỉ có một cái sống hiện-tại ngắn-ngủi và tầm-thường với bầy-lứa là các sinh-vật, mà muốn còn có một cái sống đặc-biệt ở cõi tưởng-tượng lâu-dài mà hứng-thú hơn. Vì vậy người ta lại đặt bày ra nhiều thứ đạo-giáo.

Thế cũng càng hay, nhưng đạo-giáo gì, miễn đừng trái với cái lẽ phải sống mà phải còn ấy thì chúng ta mới tin theo. Vì trái không được, mà chán-nản chỉ càng thêm tự-khổ. Vì chúng ta nghiệp-kinh chót là quần-sinh rồi kia mà !

Viết đến đây, khách có người hỏi Đồ-nam-tử rằng:

— Thế thì trái với cái lẽ phải sống và phải còn của chúng ta ấy chính là đạo Phật. Đạo Phật là một bài luận « *Liễu tận không vô* 了盡空無 » (1), nghĩa là cho hết thảy mọi cái trong vũ-trụ này, cái gì cũng là không, chẳng có gì cả. Vì vậy đạo Phật không tôn có đấng Tạo-hóa. Cho cái lẽ phải sống và phải còn ở đời này là cái khổ. Vì vậy cứu-cánh của đạo Phật là làm cho tắt hết mọi sự khổ, kinh Phật gọi là « Siêu sinh tử » tức là làm cho tắt cái lẽ phải sống và phải còn ấy đi đó mà thôi. Thế cho nên kẻ tu đạo Phật là chán ghét cả thân-thế, xa lánh cuộc đời, suốt ngày phiền-não. Quá lắm thì trốn vào hang núi, giảm bỏ cả mọi sự sinh-hoạt cho chóng giải-thoát đời người. Chỉ làm tự khổ mà không ích-lợi gì cho ai.

Như vậy thì đối ngay với cái thống-hệ « *Xã-hội tâm-giáo* » (2) mà tiên sinh đã lược vạch ra, đạo Phật cũng thành phản-đối rồi.

---

(1) *Sách* Thiên-diễn, *Nghiêm-Phục dịch : Từ có thuyết-lý đến nay, không ai nói* « Liễu tận không vô » *như Phật bao giờ.*

(2) *Bài này đã nói chuyện ở hội Trí-trí Hà-nội, và đã đăng vào N. P. số 187.*

26

Đồ-nam-tử đáp :

— Thuyết « *Xã-hội tâm-giáo* » là lấy xã-hội hiện-thế cứu-cánh, lấy tiến-hóa làm mục-đích, nên theo bốn bậc luân-lý hoàn-toàn mà vạch ra làm một thống-hệ. Vậy nếu đạo Phật mà không trái với chủ-nghĩa xã-hội tiến-hóa thì ngôi thứ ba trong thống-hệ ấy mới có vị Phật-tổ.

Còn như cái nghĩa « *Liễu tận không vô* » của Phật-giáo mà ông nói đó là ý-kiến của một vị Anh-nho HUXLEY tiên-sinh. Song nghĩa đó không phải mới tự bây giờ, trước đây Tống-nho Trung-quốc cũng đã kết cho đạo Phật là « *tịch diệt* 寂滅 » rồi.

Các vị học-giả hiện-thế kết-luận cho đạo Phật như thế không phải là vu, mà chính ở trong nhiều kinh sách đạo Phật cũng thường thuyết-lý đến những nghĩa hầu như « *Liễu tận không vô* » hay là « *tịch-diệt* » ấy.

Trên kia tôi đã nói : Phải sống và phải còn là cái mà quần-sinh bị bắt-buộc, trốn không được. Thì nó cũng chẳng phải là sự mà chúng ta lấy làm sung-sướng gì cho lắm, chỉ vì chúng ta sợ nói ra sẽ hối-tâm đoản-khí mà sống không xong, nên kiêng mà không nói ra đó thôi. Ừ, thì Phật mà có cho cái đó và mọi cái cớ vì nó là khổ, cũng không phải là vô-lý. Nhưng muốn bớt khổ hay là hết khổ thì phải làm thế nào, phải làm cho sung-sướng lên. Sung-sướng tăng lên bao nhiêu thì tiện-thị khổ-sở giảm đi bấy nhiêu. Chứ lại tự làm cho tuyệt-diệt mình đi mới là diệt-khổ, thì nghịch với trời, trái với tình còn gì bằng. Vả toàn-thể chúng-sinh có đều làm như thế cả được đâu. Nếu đạo Phật mà chỉ có chủ-trương lập-luận có như thế thì thực không thành ra đạo-lý gì.

Ấy thế mà làm sao từ hơn hai nghìn năm, do đất Ấn-độ truyền đi sang phương Đông, không cứ đất nước nào, không kỳ dân-tộc nào, không kể văn-hóa nào, đạo Phật đi đến đâu, vô-luận người ngu kẻ trí, đều tin theo, qui-y đông như nước chảy xuống chỗ trũng. Đến nay tuy đã suy-vi mà còn tới gần 500 triệu tín-đồ (*l'adhérent*). Như thế là vì cớ gì?

Há phải rằng người đời đối với cái « phải sống mà phải còn » ấy đều như đúa câm ngậm bồ-hòn, thấy đắng mà không tự nói ra được. Đế-vương trưởng-giả sang giàu cũng không bớt khổ, mà hiền-trí lại càng thấy khổ ngấm-ngầm, nên chi nghe thấy cái thuyết « giải-thoát được sự khổ » thì họ như kẻ bị đói bảy ngày mà tiếp được cái tin sắp được ăn cỗ. Dù cỗ chưa thấy mà cũng sướng tai. Có phải như thế chăng?

Nhưng quả như vậy cả, thời đối với việc đời, lòng họ tất đều lạnh như băng, tan như tuyết cả. Sao lại còn có những cái công-hiệu hiển-nhiên ở hiện-thế như Việt-Nam thì Lý Trần sùng đạo Phật mà nước cường; Nhật-bản thì ngày nọ có nhiều vị trung-thần do Phật-giáo cảm-hóa cho. Thế lại là cớ gì?

Vậy tất ở trong nó vốn tự đủ cái nghĩa viên-mãn, thường đắc-lực cho hiện-thế. Nhưng có phần hiển có phần ẩn, người ta không biết biểu-dương cho cân-đối rồi hiểu thiên đi mà chỉ nhận được một bên, còn quên mất một bên, rồi lắm lúc chỉ làm được cái hại mà bỏ mất cái lợi. Như thế chúng ta chưa có thể mới xét một mặt mà đã bạo đoán cho đạo Phật, tất phải lấy phương-pháp phân-tích mà xét tìm như xét tìm một vật-chất, xem có những thành-

phần gì, nó tác-dụng ra làm sao mà thành ra như thế.

Như vậy dưới đây phân làm bốn mục: Giáo-nghĩa, hiệu-dụng, tu-dưỡng và nghi-vấn, để lần-lượt tìm xét cho dễ.

1° *Giáo nghĩa.* — Muốn biết giáo-nghĩa của đạo Phật trước phải tìm đến vị giáo-chủ và hoàn-cảnh của vị ấy là Phật Thích-già Mâu-ni (釋迦牟尼 *Cakya Mouni*). « Phật » hay là « bụt » (*Bouddha*), tiếng Phạm, nghĩa là hiểu thấu hết thảy, tức ta gọi là chí-thánh. Trước kia tiếng « Phật » hay là « bụt » là để thông-xưng cho các thánh. Từ khi Thích-già Mâu-ni giảng giáo tự nhận là Phật hiện-thời, người ta bèn gọi vị ấy là Phật tức là thánh sống, mà tiếng Phật từ đấy thành tên riêng của giáo-hội ấy, tức là Thánh-giáo. Phật Thích-già là một vị thái-tử của một vương-quốc trong xứ Ấn-độ, xuất-gia học đạo từ thuở thiếu-niên, rồi tự giác-ngộ lẽ mầu, bèn cách-mệnh cựu-giáo mà lập nên tân-giáo tức là Phật-giáo.

Nguyên vì Ấn-độ có mấy cái cổ-tục đại-ác-nghiệp tích-lũy di-truyền đến mãi đời Phật Thích-già cũng chưa ai nghĩ tới để phá trừ đi.

Ấn-độ có hai dân-tộc, một là dân-tộc chiến-thắng ở ngoài vào, một là dân-tộc thổ-trước bị chinh-phục. Dân tộc chiến-thắng là giống A-ly-an (*Aryas*) ở mé trung-tây châu Á tràn xuống. Dân này vốn thông-minh, khai-hóa sớm. Được đất Ấn-độ phì-nhiêu bèn bàn-cứ lấy mà gây nên cuộc văn-minh Ấn-độ, đồng-thời với văn-minh Trung-quốc về đời nhà Châu. Dân chiến-thắng khinh dân thổ-trước, tuy đồng-cư mà không đồng-hóa, bên sang cứ đời đời làm dân chủ-ông, bên hèn cứ đời đời làm dân nô-lệ. Vì vậy xã-hội Ấn-độ chia ra bốn giai-cấp rất nghiêm, là: Giòng nhà vua và quí-phái, phái thầy tu, hạng buôn bán, hạng nông-điền. Ba giai-cấp trên thuộc dân chiến-thắng, giai-cấp dưới cùng thuộc dân thổ-trước. Giai-cấp nào cứ truyền đời làm nghề-nghiệp ấy, không thông hôn-nhân, giao-tế cùng nhau. Học-vấn cũng chỉ những giai-cấp trên được hưởng mà thôi, bây giờ vẫn còn như thế. Đó là một cái ác-nghiệp cho nhân-loại.

Cõi Ấn-độ phân ra có nhiều bộ-lạc lặt-vặt, mỗi chỗ tự-lập làm một vương-quốc, giòng-họ, tiếng nói, phong-tục đều khác cả nhau, vì giai-cấp nghiêm-khốc, dân-trí khai-thông không đều. Nhất là sự mê-tín thần-ma lại càng nhiều điều quái-gở ô-tiện. Các nước đó không thống-thuộc với nhau mà lại hay ghen-ghét nhau. Bây giờ người Anh cai-trị mà thói cũ vẫn còn. Cũng vì cớ này mà sau khi Phật Thích-già tịch-độ rồi, người Ba-tư, người Hung-nô và người Hi-lạp kế nhau tràn vào nhụ-lạn cõi Ấn-độ dễ lắm. Đó là hai cái ác-nghiệp cho nhân-loại.

Trước Phật Thích-già lâu đời, người Ấn-độ đã lập nên một tông-giáo (1) chính-thống hoàn-toàn có học-vấn, có giáo-nghĩa thâm-trầm hẳn-hoi, gọi là Bà-la-môn-giáo, tức là cựu-giáo, Ấn-độ-giáo, là một giáo cũng cầu cho thoát khổ tức là thoát khỏi vòng sinh-tử luân-hồi. Hồi Phật-giáo thịnh thì

(1) Nghĩa giáo Bà-la-môn ở đây là lấy ở sách *Thiên-diễn-luận* (*Huxley*).

giáo này đã hầu diệt. Sau khi Phật-giáo suy thì giáo này lại phục-hưng cho đến bây giờ. Giáo này cho rằng vũ-trụ có một cái tinh-linh gọi là « Bà-la-môn — *brahmam* », Tàu dịch là « đại-chân-tinh 大眞神 », Pháp dịch là « Linh-hồn vũ-trụ — *L'âme universelle* ». Bà-la-môn rồi thành tên hiệu của bản-giáo ấy. Bà-la-môn là bản-thể, vốn thanh-tĩnh-bất-biến, những cái có biến-đổi ở trong vũ-trụ là hiện-tượng của nó đó thôi. Bà-la-môn ấy mà phân phú ra cho mỗi người thì gọi là « A-đức-môn — *Atman* », tức là tiểu-tinh-linh. Nhưng người ta thường hay bị khí-bẩm, vật-dục nó làm mờ-ám thúc-phọc mất « A-đức-môn » của thiên-phú đi mà sinh nhiều ác-chướng, để cứ sa-đọa mãi vào vòng sinh-tử luân-hồi là cái nghiệp khổ. Vậy người ta ai làm thế nào mà mài rũa những cái khí-bẩm đê-hèn, trừ-khử những cái vật-tục ô-trọc đi, cho A-đức-môn được trong sạch sáng-sủa mà hợp lại với Bà-la-môn làm một thể, thì người lên cõi trời thành thánh khỏi vòng luân-hồi. Vì giáo-nghĩa dạy như thế, nên các thầy Bà-la-môn đều lấy khổ-hạnh làm chân-tu, lấy tuyệt-dục làm đạo-đức. Vì vậy mà diễn ra những cách tu-hành khổ-nhục, đầy-đọa, phiền-não, kiền-sức, ăn đói, mặc xấu, ở bẩn, xa chốn dân-gian, để khắc-chế bớt bỏ mọi sự sinh-hoạt, chỉ nghiền-ngẫm những lẽ u-huyền lấy một mình cho chóng thành đạo. Thành ra một lối tu khắc-khổ mà vị-kỷ, khổ mình thêm mà không ích gì cho ai. Đó là ba cái ác-nghiệp cho nhân-loại.

Vì có ba cái ác-nghiệp to cho nhân-loại Ấn-độ như thế, mà sinh ra một cái phản-động-lực rất lớn về tinh-thần để đối lại mà tân-giáo là đạo Phật mới ra đời.

Họ Thích-già là giòng nhà vua, một giai-cấp tối-cao. Bấy giờ học-thuật Ấn-độ đã mở-mang, có năm khoa-học gọi là ngũ-minh 五明, nhất là những khoa văn-học, vật-lý-học, luận-lý-học, đã đều phát-đạt lắm. Thái-tử vốn thông-minh khác thường, lại được thừa-thụ nguồn học-thuật ấy rất hoàn-bị. Khi nhỏ đã phát ra có cái khiếu từ-bi, bình-đẳng. *Từ-bi* là thấy chúng-sinh chim sâu ăn thịt lẫn nhau mà lấy làm thương. *Bình-đẳng* là tỏ ý nếu lấy vợ thì lấy con nhà những giai-cấp dưới cũng được, miễn là được người được nết thì thôi

Thiếu-niên đã có vợ con rồi mới trốn nhà đi tu đạo Bà-la-môn. Nhưng thầy Thích-già cho giáo-nghĩa Bà-la-môn là còn lẩn-quẩn trong vòng sinh-tử luân-hồi, mà lối tu-hành đó là quá khắc-khổ và chỉ vị-kỷ.

Thầy bèn lánh mình một nơi hẻo-lánh mà tự tư-tưởng để tìm lấy nghĩa mới. Ít năm quả giác-ngộ ra được một cái giáo-nghĩa mới, có thống-hệ, bao-la mà có chước-thực, viên-mãn. Những thuyết cũ tuy cũng còn dùng nhiều, nhưng tinh-thần ý-nghĩa thì phản hẳn lại với giáo cũ Bà-la-môn. Ấy là đạo Phật sau nay đó.

Nay chia giáo-nghĩa của đạo Phật ra thì thấy có hai phần như hai cái phần-tử của một vật-chất nào, ngang sức ngang lượng nhau mà cùng tác-dụng nên đạo Phật, thiếu một không được. Hai phần ấy là: *Triết-lý duy-tâm* 哲 心 và *luân-lý phá-dỏ* 倫 破

Duy-tâm là muôn vàn pháp-tắc trong thế-gian đều do ở cả trong tâm người ta, nó có thể hàm-nhiếp 含 攝 và kiến-lập 建 立 được hết thảy. Đó là cái gốc để phá toang cái lý-thuyết lẩn-

quần của nghĩa « linh-tính vũ-trụ » của Bà-la-môn.

Phả-độ là phải ra tay tế-độ cho khắp mọi loài chúng-sinh được khỏi khổ tức là cứu-khổ. Đó là cái công-quả để giải-thoát vòng sinh-tử luân-hồi và đánh đổ cái lối tu-hành cũ quá khắc-khổ mà vị-kỷ.

Do hai phần gốc đó mà sau này thầy Thích-già thuyết-pháp ra bao nhiêu nghĩa-lý, các tông-đồ ghi-chép lại thành ra những kinh sách của hai phái Bắc-tông và Nam-tông.

Tư-tưởng đã thành-lập và đã tổ-chức thành thống-hệ rồi, ấy là đắc-đạo, là thành Phật.

Phật Thích-già bèn về trung-châu giảng đạo, một mặt phấn-đấu với giáo cũ, một mặt truyền giáo mới cho đời. Chỉ định thống-nhất cả cõi tín-ngưỡng trong thiên-hạ, làm việc 45 năm đến chết không mỏi. Quả đánh đổ được cựu-giáo Bà-la-môn mà truyền giáo mới ra hầu khắp cõi Ấn-độ ngay lúc sinh-thời, thật là một sự-nghiệp lớn. Còn sự sinh-hoạt thủo ấy tuy có giới-luật, nhưng cũng là cách tu giản-dị bình-thường, không có gì là kiểu-tính khắc-khổ lắm. Cũng tắm cho sạch, ăn sữa cho người béo ra, trụ ở những tinh-xá nguy-nga của các nhà sang giàu để thuyết-pháp.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

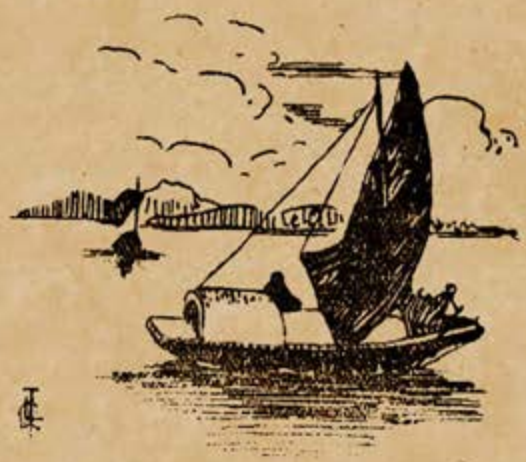

HỌC-THUYẾT VÀ NHÂN-CÁCH CỦA KHỔNG-TỬ

ảnh-hưởng về tinh-thần các thời-đại (1)

Nghiệm xét về trên lịch-sử xưa nay, phàm dân-tộc nào hay sinh-sôi nảy-nở ở trên thế-giới mà dai-dẳng mãi không bị tuyệt-diệt, thì nước nào tất phải có cái lịch-sử riêng của dân-tộc nước ấy; lại phải có cái văn-hóa riêng của dân-tộc nước ấy, và phải có một bậc nhân-vật tốt vời ở trên lịch-sử dân-tộc nước ấy, để làm khuôn-mẫu cho cả một nhân-quần. Nước nào có lịch-sử thì tinh-thần của dân-tộc nước ấy mới sáng tỏ phát-dương ra được; có văn-hóa thì đường tiến-bộ của dân-tộc ấy mới hay mở-mang đầy-đủ được; có hạng người tốt-vời ở trên lịch-sử thì dân-tộc nước ấy mới có cái khuôn-mẫu về nhân-cách để cùng nhau bắt chước mà duy-trì lấy cái vinh-dự cho dân-tộc mình; ba điều ấy nó quan-hệ về tinh-thần của dân-tộc phải cần có đủ cả. Nay ta cứ bằng về lịch-sử, về văn-hóa và nhân-vật mà xét về lịch-sử của Khổng-tử, thì biết rằng Khổng-tử thực là gây dựng ra ba cái điều-kiện lớn trên đó cho dân-tộc Tàu, mà để lại cho người sau, để dựng lên một cái nền-tảng lớn-lao của dân-tộc.

Nguyên xưa những văn-hóa học-thuật đời cổ nước Tàu, phần nhiều còn tán-mạn cả. Đến đời Châu khởi lên tuy có ông Châu-công chế lễ tác nhạc để lập làm khuôn-phép, qui-mô rõ-ràng. Nhưng sách vở học-thuật khi ấy còn chứa-chất ở trong quan-phủ, phần riêng người ở ngoài không biết đâu mà nghiên-cứu được. Đến khi Khổng-tử mới sửa định lại các sách, tự mình đem dạy-dỗ truyền-bá phát-minh, phong-thanh lan khắp, bởi thế học-thuật mới được truyền-bá khắp dân-chúng, văn-hóa của dân-tộc nước Tàu từ đấy mới hưng-khởi lên; cái công giáo-dục dân-chúng từ đấy mới lan khắp ra, văn-hóa của dân-tộc Tàu tự hơn hai nghìn năm trở lại, thực nhờ về một vị thánh-sư Khổng-tử có công nối trước mở sau, thực là một cái công vĩ-đại gây nên văn-hóa của dân-tộc vậy.

Dân-tộc xưa nay vốn phải nhờ về lịch-sử để làm cái nguyên động-lực về đường tinh-thần, nhưng cổ-sử nước Tàu cách xa đã lâu đời, truyền văn có nhiều nghĩa khác nhau, đến Khổng-tử mới san-định lại sáu kinh, lấy *Xuân-thu* làm một thể sử ký-sự, kinh *Lễ* để ghi chép điển-cố, kinh *Thi* để ghi chép phong-tục, kinh *Thư* chép những lời cáo-thệ, đều là giúp cho lịch-sử cả, bởi vậy Chương Thực-trai mới bảo rằng sáu kinh cũng đều là sử cả; từ khi sử-học thịnh lên, hơn hai nghìn năm, biên-tập ra nhiều sách vở có vẻ vĩ-quan, tuy rằng thể-tài các sách chưa được thực là hoàn-thiện, về

(1) *Trích dịch ở báo* Hoa-tự, *nguyên Hán-văn của Thiệu Nguyên-Sung, đọc tại ngày đản đức Khổng-tử (27 tháng 8).*

phần biến-cố trong xã-hội xét ra còn sơ-lược, nhưng so với những sử-bộ của các nước trên thế-giới thì không mấy nước đã theo bằng. Vì có lịch-sử ấy nên quốc-dân mới quan-ma thấm-thía, hưng-khởi được cái tinh-thần của dân-tộc rất là lớn-lao, đó là Khổng-tử có công đầu gây-dựng ra lịch-sử của dân-tộc.

Đến như bản-thân của Khổng-tử đứng về địa vị trên lịch-sử, thì thực là một bậc trong ba tông của dân-tộc nước Tàu. Ba tông là: Vua Hoàng-đế họ Hiên-viên khởi đầu vất-vả mở-mang bờ cõi, dựng ra nước Hoa-hạ để làm nền móng cho dân-tộc, mà truyền cho đến người sau ức muôn năm vô cùng, Hoàng-đế thực là một vị thủy-tổ bắt đầu dựng nước cho dân-tộc, đó là một tông. Hai là đương khoảng đời Đường Ngu, nước lớn tràn ngập, dân-sinh cùng-súc, ông Đại-Vũ phải đi kinh-doanh vất-vả trong 13 năm, mới bình-trị được thủy-thổ, khơi thông các sông ngòi, rồi sau dân mới được an-cư lạc-nghiệp, mở-mang nghề nông-tang, ơn khắp muôn dân, công ở vạn-thế, đó là hai tông. Khổng-tử tổ-thuật đạo vua Nghiêu vua Thuấn, hiến-chương phép vua Văn vua Võ, rộng xét các sách, sửa lại *Thi Thư*, định ra *Lễ Nhạc*, đi chu-du khắp các nơi, phát-dương ra cái học trị đời, dạy học trò đến ba nghìn người, mà thông cả sáu nghệ được 72 người, nối đời trước khai-phát cho đời sau, tập đại-thành cả học-thuật lại để làm sư-biểu cho muôn đời, đó lại là một tông. Ba tông ấy, hoặc là dựng nên nền móng cho dân-tộc, hoặc là bổ-trợ cho lợi ích dân-sinh, hoặc là làm một vị tôn-sư cho nền văn-hóa, đều là khai-phát cho trăm đời sau, để khiến cho dân-tộc Á-đông được đứng ở trên cõi đất, kế-tiếp nối theo mãi vô-cùng; bởi có ba tông ấy làm nghi-hình ở trước, rồi sau mới có các vị thánh nhân biến-triết, trước sau khởi lên, làm cho học-thuật trăm đường mới phấn-phát lên được, khiến cho lịch-sử Trung-hoa hay rõ-rệt ở trên thế-giới, làm cho cổ-vũ dân-tộc hăng-hái tiến lên, để nung-đúc cái tinh-thần dân-tộc, và tăng thêm cái sức tự-tin, đó thực nhờ về Khổng-tử đem cái nhân-cách sung-thực quang-huy để làm phép dạy đời, thực là cái nền móng rất vĩ-đại về đường tinh-thần dân-tộc vậy.

Khổng-tử là một nhà giáo-dục thực-tiễn, mà lại là nhà chính-trị, và là nhà triết-học nữa, không kỳ mặt nào đều hay phát-triển được cái tinh-thần vĩ-đại, bởi vậy cứ đem cái học-thuật của Khổng-tử thì ở đâu cũng thi ra việc làm được, do trong đến ngoài, suy mình kịp người, kiêm cai cả bản-mạt, hợp-nhất cả thể-dụng. Ngài dạy người đều là cái học trị đời hành-chính, người theo học đều là cái đạo minh-thể đạt-dụng, đem dựng ra có thể dẹp loạn, trở lại trị, khiến cho đời tiểu-khang, làm nên đời thăng bình, rồi lên đến đời thái-bình, cho nên ngài có nói rằng: «Ta nếu cứ nói suông để dạy người, thì không bằng thi-thố ra việc làm mới là rõ-ràng thâm-thiết hơn». Đó là cái nghĩa do tri rồi mới đến hành vậy. Ngài dạy học thì bảo người ta trước phải rộng học mà kỹ hỏi, rồi lại phải cẩn-thận nghĩ mà biện cho rõ-ràng, đến khi xác-đáng không nghi-ngờ gì nữa, mới cố sức mà làm, đó là trước phải bác-học rồi mới đến thực-hành vậy. Cái thứ-tự dạy người ta sửa mình rồi đến trị người, thì trước phải cách vật để xét biết sự lý, tri-tri để nghiên-cứu tinh-uẩn, thành-ý để tuyệt hẳn vật-dục, chính-tâm để định xu-hướng, tu thân để lập nhân-cách, đó là cái công-phu sửa mình. Cái công-phu sửa mình đã thành-lập rồi, gần thì đem để tề-gia, lớn ra thì do lấy trị nước, rồi suy ra đến bình thiên-hạ, đó là cái công-hiệu trị người vậy. Nếu cái công sửa mình mà không hay thực-tiễn cho nó có sở-đắc sâu xa, thì cái đức mình chẳng

đủ để phục người, tài mình chẳng đủ để trị thường ngự biến, như thế thì không thành được cái công-hiệu trị người. Nếu cái công-hiệu trị người đã không xong, thì biết rằng cái công-phu sửa mình còn chửa đến nơi, đó là bảo phải làm cho quán-triệt cả gốc ngọn mới được. Bởi vậy nói đến tri-đức thời phải sửa cả đời đường, nói đến tri-hành thì phải tịnh-tiến, nói đến chính-giáo thì phải nhất-quán, khiến cho mọi người đều phải mài rũa lấy nhân-cách, đốc-thực sự hành-vi, và làm cho đầy-đủ tri-năng của mình, tiến lên đường viễn-đại, có thể có dụng, nên được cái công sửa mình trị người, rất là tinh-thâm rộng-rãi, thực đủ để khải-phát cho kẻ hậu-học về vô-cùng vậy.

Song hơn hai nghìn năm trở lại đây, các đời quân-chủ chỉ nhặt lấy những cái thuyết tôn-vương của Khổng-tử, mà đoạn chương thủ nghĩa lấy những câu nào có lợi về việc tôn trọng quyền vua, thì đem biểu-chương ra, để làm cho tôn-trọng lấy mình. Còn đến những vi-ngôn đại-nghĩa thì bỏ mai-một đi không tỏ rõ lên được, đó là một cái ách cho Khổng-học. Những kẻ thư-sinh các đời thời chỉ lép-bép học được mấy câu về lối khảo-chứng nghĩa-lý rỗng không, vùi đầu trong đống sách nát mãi cho đến già, đại-khái như những lối học chú-sớ đời Hán, lối học tinh-lý ở đời Tống, các nhà Nho đều lấy thế tự cao mà công-kích lẫn nhau, về khoảng đời Minh đời Thanh thì có phái Hán-học với phái Tống-học, tranh nhau biện-bác, chia ra môn-hộ tưởng-lũy để chống-cự nhau, mà đều tự đắc là được chân-truyền của Khổng học. Thậm-tệ lại viện dẫn đến cái lý của đạo Phật đạo Lão để diễn dịch kinh nghĩa, bàu sướng quen lười đua nhau về lối học không-hư; kỳ thực những lối học ngữ-ngôn văn-tự ấy quyết không phải là học thực-tiễn của họ Khổng. Cái thói không-hư tịch-diệt ấy lại trái với lời đốc-hành của ông Khổng, bởi vậy các nhà đàm-luận trước-thuật ra càng nhiều, thì cái chân-nghĩa của Khổng-học lại càng tối đi, đạo kinh-thường không đủ để chỉnh được dân-tâm, tài quyền-biến không hay giúp được nạn nước, nên những kẻ đua nhau về đường công-lợi, bèn bác Khổng-học, cho là cái học rỗng không vô-dụng, đó lại là một cái ách của Khổng-học vậy. Từ khi hoàn-hải giao-thông, bao nhiêu những học-thuật chính-giáo của Âu Mĩ tràn sang phương Đông, người ta đều khiếp về cái công-hiệu phú-cường, liền bỏ cái sở-học của mình đi mà theo Tây-học, bấy giờ lại càng bài-bác chê-bai Khổng-học, có người lại bảo rằng nên bỏ cả chữ Hán đi, bao nhiêu những sách vở đều vứt đi hết, đó lại là một cái ách của Khổng-học nữa. Ai biết rằng Khổng-học sở-dĩ không tỏ rõ ra được, là tại những bọn chương-cú hủ-nho, đem cái thuyết không-hư làm rối-loạn cả cái chân-chính học-thuyết của họ Khổng, chứ Khổng-học có phải là đồi-tệ như thế đâu.

Nhân-cách của Khổng-tử

Nhân-cách của Khổng-tử thì xét về lúc ngài tu-dưỡng tự-trị, và lúc ngài dạy học với lúc ngài đảm-đang ra nhiệm-sự. Ngài có kể về cái cách học tu-dưỡng tự-trị, thì bắt đầu từ 15 tuổi đã chăm-chỉ học-hành, cho đến 70 tuổi thì tâm ngài muốn điều gì cũng không vượt qua khuôn-phép, trong và mươi năm ấy không lúc nào là chẳng cố-gắng tự-tu, ngài có nói rằng: « Ta làm người chăm học, lắm lúc suy-nghĩ nghĩa-lý chửa hiểu được thì phát-phẫn mà quên cả ăn, đến lúc hiểu được rồi thì vui thích mà quên cả lo, không biết cái tuổi già nó đã sắp đến sau lưng vậy ». Lại rằng: « Ta chăm học mài mà không chán » xem đó đủ chứng là ngài chăm-chỉ việc học, vẫn tự-đắc lấy làm vui. Khi ngài đi giảng-giáo thì ngài « dạy người không biết mỏi », và « không nề loài người

nào ngài cũng dạy cho cả », lại hay « khéo dạy dần-dần cho người dễ hiểu ». Ngài lại sợ rằng dạy học một cách giản-dị quá thì kẻ học-giả lại hay khinh-suất mà không suy-nghĩ, nên ngài lại khuyên-miễn bảo rằng : « Kẻ học-giả không phẫn-uất cầu thông, thì ông thầy cũng không khai-bảo cho biết ý được ; không tâm-tức muốn nói cho hoạt thì thầy cũng không gợi cái lời cho thông được ; bảo cho một lẽ mà không biết suy-nghĩ ra hai ba lẽ thì thầy cũng không bảo cho nữa ». Đó là ngài bảo cho kẻ học-giả phải nên khắc-kỷ tự-tu lấy mình thì học mới có sở-đắc được. Ngài lại khuyên kẻ học-giả phải nên cố gắng chứ không nên lười, tức như là ngài bảo thầy Tử-cống lấy cái nghĩa đã sinh ra làm người thì phải tự-cường bất-tức. Lại răn học-trò phải chăm-chỉ về đạo học, chứ không vội mưu cầu lợi-lộc, nên lo-nghĩ về đạo học, chứ chẳng lo gì cảnh nghèo ; và bảo rằng người ta không lo gì không có địa-vị, chỉ lo học-hành làm sao cho xứng được cái địa-vị ấy. Và ngài lại bài-xích những kẻ chỉ ham-mến sự lười-biếng mà lấy sự ăn mặc xấu-xí làm xấu-hổ. Đó là những lời ngài dạy bảo rất là thâm-thiết rõ ràng. Ngài lại có lòng tự-tín mạnh lắm, và có chí tự nhiệm, tức như ngài nói rằng : « Nếu đời biết dùng ta ra làm việc nước, thì trong một năm sắp đặt được kỷ-cương đã được khá, đến ba năm thì công-việc chính-trị đã thành-hiệu ». Ngài nói như vậy, đến khi ngài làm tướng nước Lỗ, mới có ba tháng mà đã có công-hiệu ngay, như là đi đường : thì trai gái phải đi phân-biệt ra đôi bên ; của người đánh rơi ở đường không ai thèm nhặt ; con trai thì chuộng điều trung-tín ; con gái chuộng điều trinh-thuận ; những người các nước đến chơi nước Lỗ ai cũng điều vui-vẻ như ở nhà. Đến khi ngài ra hội với vua nước Tề ở đất Giáp-cốc thì hay lấy lễ-nghĩa mà khuất-phục nước cường-lân, lại hay phá bỏ được ba cái ấp riêng của họ Quí để cho bớt thế-lực kẻ cường-thần. Đó đều là ngài hay hết lòng vì nước, chính-trực đứng trong triều, nên cái ảnh-hưởng nó lan ra làm cho kẻ cường-hào đâu cũng phải khuất-phục, chứ có phải chỉ ngồi nói suông mà không hay thực-hành được đâu.

Còn đến những cách thi-thiết của ngài đều có thứ-đệ cả, trước hết phải hết lòng trung-thứ ở mình, rồi suy ra để dạy người, như là ngài bảo rằng : « Mình muốn tự-lập lên thì cũng giúp cho người được thành-lập, mình muốn thông-đạt cho hiểu thì cũng dẫn-dụ cho người được hiểu-thấu ». Dẫu ngài xử vào cái lúc khó-khăn, gặp kẻ tiểu-nhân ngăn-trở, nhưng ngài vẫn có cái tinh-thần hăng-hái, biết rằng không làm được đấy nhưng vẫn cố làm, đó là ngài có cái tâm tự-nhiệm lấy việc nặng-nề trong thiên-hạ, có phải như thầy đồ chương-cú ở đời sau hay vi được đâu.

Cái nhân-cách đốc-thực quang-huy của Khổng-tử, vốn là bởi cái học-lực quảng-bác lớn-lao nó gây nên, nhưng sở-học của ngài mà thành lên được cũng là tại ngài hay rộng tìm thầy bạn để hỏi-han cho rộng, xem như lời thầy Tử-cống bảo rằng : « Khổng-phu-tử sao lại chẳng học, nhưng không hẳn theo một thầy nào ». Đó là nói ngài hay rộng tìm thầy bạn để học, như là ngài hỏi lễ ở Diễm-tử, hỏi nhạc ở Tràng-Hoằng, học đàn ở Sư-Tương, theo quan Thái-sử nước Lỗ lại học được sách *Châu-dịch Xuân-thu*, cùng với ông Tả Khưu-Minh sang nhà Châu xem được hết những sách bảo-thư trăm hai nước, xem thế thì ngài học rất rộng. Còn như ngài đối với thầy bạn, cứ theo như sử-ký thì ngài coi Lão-tử như là bậc thầy, ở nước Vệ thì ngài bạn với Cừ Bá-Ngọc, ở nước Tề ngài bạn với Yến Bình-Trọng,

34

ở nước Sở thì ngài bạn với Lão Lai-tử, lại bạn với Tử-Sản nước Trịnh, Công-Tôn-Sước nước Lỗ. Ngài thường khen những bậc tiền-hiền như Tang Văn-Trọng, Liễu Hạ-Huệ, v v.. Xem thế thì ngài được quan-ma về thầy bạn rất nhiều, nên mới hay phát-dương được nghĩa-lý lớn-lao, và biên-tập được các lời nghị-luận rộng-rãi. Bảy mươi hai người hiền học ở cửa ngài đều là những bậc tài-tuấn đương-thời cả, nên các học trò đều hay lấy cái sở-học suy-diễn rộng ra để truyền-giáo. Bởi vậy nên đồng-thời với Khổng-tử, biết bao nhiêu các nhà xướng ra học-thuyết khác, mà chửa qua đời đã đều tiêu-trầm cả. Duy có học-thuyết Khổng-tử thì càng ngày càng quang-đại thêm ra, chẳng khác gì muôn phái nghìn dòng xô cả về bể lớn, thâu-thái đã rộng nên thành-tựu được to, chứ không như những hạng ngòi nhỏ nước nông chửa được bao lâu đã cạn hết cả.

Nay muốn học theo cái nhân-cách của Khổng-tử, thì trước nhất phải học lấy cái tính hiếu-học suốt đời, chăm-chỉ mãi không chán; lại phải học lấy cách dạy người không mỏi của ngài, mà dạy cho người ta chứ không nể ai cả. Lại phải học làm sao cho thể dụng đều đủ, ngôn-hành nhất-trí, lại phải học lấy cái cách tự-nhiệm lấy việc đời, cứ việc làm chứ không chán-nản. Lại phải thi-thố làm sao cho được kỷ-cương chấn-chỉnh, quyền-hào thiếp-phục, bắt-chước như ngài lấy nghĩa-lý mà biện-chiết được nước cường-lân; lại phải học những cách như ngài đi tìm thầy tìm bạn, học-hành hỏi-han cho rộng, mà phải hư-tâm để cầu cho biết, lực-hành để cố mà làm, như thế mới là người biết học Khổng-tử.

Học-thuyết của Khổng-tử

Tinh-túy học-thuyết của Khổng-tử, cốt nhất là chỉnh-lý lấy văn-hóa học-thuật đời cổ, mà làm cho phát-dương quảng-đại truyền mãi về sau. Xem như trong sách Lục-kinh đã nói tường cả. Những học-lý của ngài, chúng ta ngày nay xét ra như là những nghĩa lớn về thuyết nhương-di, những lý-luận về đường dân-sinh, và lý-thuyết về đạo bác-ái. Thuyết nhương-di không phải là chỉ bài bác những người rợ mọi đâu, phàm người Trung-hoa kẻ nào mà có cái nết rợ mọi thì phải cự-tuyệt đi cả. Ngài làm ra sách *Xuân-thu*, chính là phát-huy ra cái nghĩa lớn về dân-tộc để tỏ cái nghĩa nhương-di vậy. Đến như cái nghĩa phục-cừu thì sách *Xuân-thu* còn khen vua Tương-công nước Tề hay phục được cái thù tự chín đời trước. Sách *Khúc-lễ* cũng nói rằng: « Không cùng đội trời chung với kẻ thù của cha ». Đó đều là tỏ cái nghĩa phục-thù vậy. Đến như cái nghĩa tri-sĩ thì ngài dạy rằng làm người nên xét mình phải biết xấu-hổ, và nên biết cái sỉ chung thì mới hay hưng-khởi lên được, đó đều là tỏ cái nghĩa tri-sĩ vậy.

Người Tàu hay hiểu được cái nghĩa lớn « nhương-di phục-cừu » của Khổng-tử mà biết tự cố gắng lên để hưng-phục lấy nghiệp lớn, đó là nhờ về cái cốt-tủy của tinh-thần dân-tộc nó làm cổ-vũ cho dân, nên mới hay phát-dương được cái chính-khí của dân-tộc.

Khổng-tử lại coi trọng về đường dân-sinh như khi ngài làm quan Tể đất Trung-đô, ngài có chế ra cái lễ-tiết dưỡng-sinh tống-tử (*Gia-ngữ*). Trong sách *Luận-ngữ* ngài có dẫn những điều chính-trị của đời Nhị-đế Tam-vương đều trong về những việc thực, tang, tế của dân cả. *Thực* là việc ăn để nuôi sống, việc *tang* việc *tế* để đưa kẻ chết, đó là cái nền chính-trị về dân-sinh vậy. Ngài bảo thầy Tử-Cống rằng làm chính-trị thì trước phải trị việc binh cho giỏi, rồi phải

cho đủ lương-thực để cấp nuôi. Ngài bảo thầy Nhiễm-Hữu lấy ba việc trị nước là làm cho số dân nhiều, của dân giàu, lại phải dạy cho dân biết đường học-thức. Ngài bảo thầy Tử-Trương ra làm chính-trị thì phải nhân theo điều lợi của dân mà làm lợi cho dân. Đó đều là những lời nghị-luận tinh-vi, suy-xét về đường dân-sinh vậy. Nguyên ba cái nghĩa chữ *thứ* 庶 là số dân nhiều, *phú* 富 là của dân giàu, *giáo* 教 là dạy cho dân biết học-thức đều phải có cả, chính là cái tinh-nghĩa để kiến-thiết ra một dân-tộc ở đó. Kiến-thiết nên một dân-tộc, phi số dân nhiều thì không dựng nên được cơ-đồ, phi của dân giàu thì không sung-túc được đường sinh-hoạt, phi dạy cho dân biết học-thức thì dân không tấn-lới lên được. Ba cái nghĩa ấy có đủ cả, thì về đường chính-trị của dân-sinh mới hoàn-toàn. Còn đến như ngài bảo rằng phải nhân theo cái điều lợi của dân mà làm lợi thêm cho dân, chính là cái căn-bản về đường chính-trị như vậy. Thế thì dân muốn điều gì thì mình thuận theo, dân ghét điều gì thì mình bỏ đi, như thế thì nhân-dân mới được thỏa đường sinh-hoạt, mà mới dựng nên được cái cơ-đồ bình-trị. Cái nguyên-tắc của các nhà chính-trị đời nay cũng không ngoại những điều ấy. Đức Khổng-tử giải về cái nghĩa bác-ái, thì cốt nhất là hai chữ: *Nhân* 仁 với *thứ* 恕; *nhân*, nghĩa là yêu người, yêu người thì phải nghĩ làm lợi cho người, đã có lòng yêu người thì phải theo cái lòng hiếu-ố của dân, mà nghĩ làm lợi cho người. Thế thì dân sở-hiếu điều gì thì mình cũng yêu, dân sở-ố điều gì thì mình cũng ghét, suy cái lòng ấy ra thì mọi người đều cùng giúp đỡ cho nhau cả. Thế cho nên người làm chính-trị phải hết cái lòng thành yêu dân; những điều tật-khổ của dân thì mình cũng lấy làm đau, những điều lợi-hại của dân thì mình cũng phải soi-xét, đó tức là cái nghĩa rộng yêu dân chúng, mà chính là cái bản-nghĩa bác-ái như vậy. Đến như nghĩa chữ *thứ* thì cốt là phải suy bụng ta ra bụng người, mình muốn yên thì không nỡ để cho người phải nguy, mình muốn vui thì không nỡ để cho người phải khổ, mình muốn tránh cái hại thì không nỡ để cái hại ấy gia cho người, mình muốn được điều lợi thì không nỡ chiếm riêng lợi ấy ở mình; suy cho rộng ra như là mình tôn kính ông già mình thì mình cũng kính ông già người, mình thương yêu con mình thì mình cũng thương yêu con người, đó đều là phát-huy cái nghĩa bác-ái của Khổng-tử vậy. Phải biết rằng lòng *nhân* với lòng *thứ* nó vẫn giúp cho nhau, không có lòng nhân thì không hay thứ được, không có lòng thứ thì cái công-hiệu của lòng nhân không hay làm ra hết được. Đã có lòng nhân mà lại hay thứ thì cái nghĩa bác-ái mới tròn vẹn hoàn-toàn. Vả lại cái nghĩa chữ *thứ* rất rộng, không những là cái điều mình không muốn thì mình không thi cho người mà thôi; lại phải khuếch-sung ra phàm những điều mình muốn, mình phải thi đều cho người cả, như thế thì cái nghĩa suy-kỷ cập-nhân của chữ *thứ* nó mới càng rõ, mà cái nghĩa đại-đồng nó mới rõ-rệt ra, cái tinh-lý về nghĩa bác-ái của Khổng-tử nó mới đầm-đìa thấm-thía không sót một tí gì.

Nhân-cách và học-thuyết của Khổng-tử nó có quan-hệ với văn-hóa sau này

Xét như trên thì ta đã biết cái học-thuyết của Khổng-tử rất là rộng-rãi tinh-thâm mà mật-thiết về dân-tộc đời nay, quyết không phải những kẻ nông-nổi dốt nát hay hiểu thấu được, mà vội bài-bác Khổng-học là không thiết-thời muốn phá

bỏ đi cả. Dân-tộc ta mà muốn gia-công cố gắng để tranh lấy sống còn, để làm cho tỏ cái vẻ-vang của lịch-sử dân-tộc, thì cần nhất là phải nghiên-cứu học-thuyết của Khổng-tử mà làm cho quang-đại ra. Vì rằng dân-tộc nào mà hay độc-lập sống ở trên cõi đời, thì tất phải có lịch-sử và văn-hóa của dân-tộc ấy, nhờ về đó mới thêm cái sức tự-tín của dân-tộc mà hăng-hái cố gắng lên, làm cho phát-dương quang-đại cái văn-hóa cố-hữu của mình, thì dân-tộc ấy mới tấn-tới lên được. Phải biết rằng không kỳ dân-tộc nào ở trên con đường tiến-hóa, là phải theo đuổi giữ lấy cái văn-hóa của thời-đại, để làm cho thích-thời; mà cái văn-hóa của thời-đại phải lấy cái văn-hóa của lịch-sử làm cơ-sở; cho đến cái tinh-thần của thời-đại cũng phải lấy cái tinh-thần của lịch-sử làm cơ-sở. Nếu không thế thì là văn-hóa rỗng không, như nước không nguồn, như cây không rễ, quyết không thể nào phát-triển ra được. Vậy nên cái văn-hóa thời đại của nước Tàu không kỳ là tấn-tới lên đến thế nào, cũng phải lấy cái học-thuyết của Khổng-tử dũ tập-đại-thành cả văn-hóa lịch-sử đời xưa, mà gây ra làm cái nền văn-hóa mới; nay muốn hưng-khởi cái dũng khí của dân-tộc, thì phải phát-huy cái tinh-thần dân-tộc là cái cố-hữu của mình; mà cái động-lực của tinh-thần dân-tộc, thì ở về cái văn-hóa lịch-sử cố-hữu của dân-tộc, với những bậc nhân-vật mô-phạm ở trên lịch-sử; nếu vậy thì ngoài Khổng-tử ra ta còn trông vào đâu, mà ngoài cái nhân-cách của Khổng-tử ra, ta còn biết lấy ai làm khuôn-phép để mà theo nữa.

ĐÔNG-CHÂU *dịch-thuật*

MỘT BÚ'C « VẠN-NGÔN-THƯ »

của Vương An-Thạch dâng vua Tống Thần-tôn (1)

■

II

Đời bây giờ, ban lộc cho các quan rất là ít ỏi, trừ ra những người chầu-chực ở triều-đình, ngoài nữa, nếu nhà đông người ăn, thì đều phải kiếm nghề nông thương mới đủ được; còn dưới nữa là quan-lại ở các châu huyện, lương bổng mỗi tháng nhiều ra thì 8, 9 ngàn trự tiền, ít ra thì chỉ được 4, 5 ngàn trự, mà nói cho đúng ra thì mỗi tháng nhiều ra chưa được 4, 5 ngàn trự và ít ra lại không được 3, 4 ngàn trự, quả là cấp cho tụi đầy-tớ cũng còn thiếu thốn, huống-chi lại hôn-nhân, tang-táng, v. v., cũng đều lấy theo số lương ấy cả, thì làm sao cho đủ được. Người ta có ba bậc: bậc thượng-lưu thì dù cùng-quẫn cũng giữ lấy cái nết quân-tử, bậc hạ-lưu thì dù giàu sang cũng mang lấy cái thói tiểu-nhân, còn bậc trung-lưu thì khác như thế, hễ cùng-quẫn thì làm được tiểu-nhân, mà giàu có thì làm được quân-tử. Nay kể sĩ-phu thiên-hạ, đứng vào hàng thượng-lưu và hạ-lưu, thì ngàn người chưa được mười người, trăm người chưa được một người, mà về hạng trung-lưu làm quân-tử được, tiểu-nhân được, thì đâu đâu cũng như thế cả. Tiên-vương nghĩ rằng, một số đông người như thế, không làm cách gì cho hơn họ đi được, cho nên định phép không chiếu theo một cá-nhân riêng nào, mà phải chiếu theo một số người trung-lưu rất đông, phải lợi-dụng theo cái ý-hướng của người ta, mà làm cho phường trung-lưu có thể giữ-gìn được, có thể suy hành ra cả thiên-hạ cho đến đời sau được. Còn như cách ban lộc đời nay, thì muốn cho sĩ phu đứng bỏ mất liêm-sỉ, e rằng hạng người trung-lưu không thể nào mà làm cho được; cho nên quan lớn thì giao-thông hối-lộ, kinh-doanh tư-sản, để mang một cái tiếng tham-ô quan nhỏ thì lừa-dối và khất-ai, không chừa một việc gì mà không làm; họ đã chịu bỏ mất liêm-sỉ cho mang tiếng với đời, thì tự-nhiên tấm lòng lười-biếng cẩu-thả phải sinh ra, mà tấm lòng phấn-chấn tự-cường phải tiêu mất, vậy thì chức-trách thế nào cho khỏi khoáng-phế, trị đạo thế nào cho được chấn hưng! Huống chi lại trái phép ăn của đút, bóc lột nhân-dân, đâu đâu cũng in như một nửa; thế tức là « không biết lấy tiền của mà tô-điểm cho sĩ-phu » vậy. Lại thêm một điều này: những vật-dụng thuộc về hôn-thú, tang-tế, phụng-dưỡng và ăn dùng, đều là không định-lệ để hạn-chế lại. Thiên-hạ ai nấy đều lấy sự xa-xỉ làm vinh và sự kiệm-ước làm nhục; nếu trong nhà có tiền, thì nào có vật gì mà không sắm sửa, thế là thiên-hạ đều cho rằng vinh hoa; mà nếu trong nhà không đủ tiền, thì tất-nhiên khó

(1) Xem Nam-Phong số 207.

chịu với lưu-tục, những việc hôn-nhân tang-tế, đều là bị bà con họ hàng điếc mắng, thế là thiên-hạ đều cho là sỉ-nhục, nên chi người giàu thì cứ tham-lam mà không biết tự cấm lại, mà người đói thì phải gắng sức để theo đòi, đến nỗi phải khốn-đốn mà hủy-hoại mất cả cái lòng liêm-sỉ, ấy tức gọi là « không biết lấy lễ-tiết mà hạn-chế lòng người » vậy. Đương kim bệ-hạ tự đem mình mà làm sự cung kiệm, để đem dường cho cả quốc-dân, sự đó các quan quyền quí tả hữu, đều là mắt thấy cả, mà xem ra thì các nơi khuê-các, xa-xỉ vô cùng, thế là họ phạm đến sự ghét của bề trên và phá-hoại mất cái giáo-hóa của một nước, thậm-tệ biết chừng nào mà kể; thế mà chưa hề nghe triều-đình trừng-trị để làm gương cho kẻ khác. Xưa kia nhà Châu bắt những người uống rượu mà khoa cho một tội tử-hình, là vì sợ rằng cái hại của sự uống rượu đến nỗi chết người là đông lắm, cho nên mới bắt từ chỗ sinh hại mà nghiêm-cấm đi như vậy; đã vì nghiêm-cấm tại chỗ sinh hại ra, nên chi sau lại hình phạt rất đơn giản, mà những người vì uống rượu mà đến chết cũng là rất ít. Nay trên triều-đình rất chú-ý là tại nơi các quan tham-nhũng, mà sự xa-xỉ thì lại cho là khinh thường, thế tức là cắm dầu ngọn mà vun trồng dưới cội cho tốt thêm vậy. Đời nay có người nói: « Quan-lại phiền-nhũng như thế, mà của các châu huyện cung-cấp hãy còn chưa đủ », nói như vậy thực là muội-lý. Xem như đời xưa đặt quan rất là ít, thuế-khóa cũng rất là nhẹ, mà tiền của thiên-hạ cũng có khi không đủ, đó là bởi những cái lý-do khác, chứ có kể gì đến bổng-lộc của quan lại đâu. Tôi đây, về môn tài-lợi tuy là chưa học, nhưng đã từng xem sơ-lược về cách tài-chính đời xưa; chẳng qua là lấy sức-lực thiên hạ mà sinh ra tài-sản cho thiên-hạ, rồi lại lấy tài-sản thiên-hạ mà cung-cấp cho các sự chi-phí của thiên-hạ, chứ chưa hề có ai đã lấy sự thiếu-thốn làm công-hoạn đâu, công-hoạn là chỉ tại lý-tài không biết cách mà thôi. Nay thiên-hạ yên trị, không thấy đến sự binh-cách, nhân-dân đều là gắng sức để làm cho có tiền của. Vậy mà còn lo về sự cùng-khốn, là chỉ vì lý-tài chưa nhằm cách và chưa biết tùy theo thời-thế mà biến đổi đấy thôi; chứ nếu như biết lý-tài cho đúng cách và biến-thông cho hợp đạo, thì tôi tuy là ngu, cũng biết chắc rằng sự gia-tăng lương-bổng các quan cũng chưa hại gì đến sự kinh-phí cả. Đời nay pháp-lệnh tường-bị, cái lưới bủa thiên-hạ cũng đã nhặt rồi. Nhưng thử hỏi đã từng có đạo-nghệ để dạy cho người ta và có cái hình gì để trị những người không theo lời dạy hay không? Đã từng có pháp-độ để hạn-chế người ta và có cái hình gì để trị những người không theo pháp-luật hay không? Đã từng có chức-sự ủy-nhiệm cho người ta và có cái hình gì để trị những người làm không nổi việc hay không? Vẫn biết rằng, đã không dạy người ta lấy đạo-nghệ, thì không nên trị người ta về cái tội không vâng lời dạy; đã không hạn-chế người ta lấy pháp-luật, thì không nên trị người ta về tội trái luật-lệ; đã không ủy-nhiệm chức-sự cho người ta, thì không nên trị người ta về tội làm không nổi việc; nhưng mà ba điều đó là tiên-vương lấy làm khẩn-cấp, mà nay thì bỏ qua mà không trị được; mà đến những sự-vật nhỏ-nhoi không hại đến trị đạo gì cho lắm, thì lại đặt ra nhiều điều-khoản, tháng này khác với tháng trước, năm này khác với

năm kia, khiến cho các quan-lại không thể nhớ hết, có đâu mà việc gì cũng tránh cho khỏi tội được; cho nên pháp-lệnh khinh thường, thi-hành không nổi, tiểu-nhân có khi may mà khỏi tội, mà quân tử lại có khi rủi ma bị oan; ấy tức gọi là «không có binh-pháp để thắng-thúc lại» vậy. Các điều trên đó, đều là trái với trị-đạo cả rồi.

Đời bây giờ lựa học-trò thì lấy những người nhớ sách học rộng và thông-thạo văn-từ, thì gọi là mậu-tài, dị-đẳng, hiền-lương, phương-chính; mậu-tài, dị-đẳng, hiền-lương, phương-chính, tức là hạng khoa-mục để dùng làm các quan công-khanh vậy; lại có một hạng, sách nhớ hơi hơi, học rộng hơi hơi, văn-từ cũng chỉ thông hơi hơi, nhưng phải có thêm một trường thi-phú nữa, thì gọi là tiến-sĩ, hạng tiến-sĩ dận cao cũng tức là một hạng người sẽ dùng làm chức công khanh vậy; cái tài-năng của hai hạng khoa-mục trên đó không đủ làm được công-khanh, dù không nói mà ai ai cũng biết được. Thế mà có người lại nói rằng: «Ta chỉ lấy sự đó mà lựa người, mà cái tài làm được công-khanh cũng ở đó mà sinh ra, chứ hà-tất phải bắt chước cách lựa người của đời xưa làm gì!» Nói như vậy thì cũng là muội-lý lắm; đời tiên-vương dùng hết phương-pháp lựa người, mà còn sợ người hiền không lựa được, mà người bất-hiền lại xen vào; còn bây giờ thì bỏ hết các phương-pháp lựa người của tiên-vương, mà chỉ buộc tất cả những người tài-trí cả một nước mà nhốt vào trong những khoa hiền-lương tiến-sĩ, thế thì những người có tài làm được công-khanh, cũng nên thi cho đậu được hiền-lương và tiến-sĩ, mà những người đậu được hiền-lương tiến-sĩ cũng nên ra đời mà làm chức công-khanh; nhưng lại sợ có những bọn bất-tài kia, nếu học được một môn văn-chương điêu khắc vô-dụng, thì cũng có thể thi đậu mà làm đến công-khanh, mà những người có tài làm được công khanh, mà rủi vì không giỏi về môn văn-chương vô-dụng, thì phải chết queo ở miền thôn-dã, e mười người đã có đến tám chín người như thế rồi.

Các vua đời xưa, khi lựa chọn các quan, thì chỉ chọn mấy vị công-khanh mà thôi, công-khanh đã được người giỏi, thì họ phải dắt-dìu đảng-loại mà thu tụ vào chốn triều-đình, khi ấy thì trăm quan các chức không có ai là không giỏi nữa. Còn nay thì những người bất-hiền, cũng có khi nhờ sự may-mắn mà làm đến công-khanh, tất-nhiên họ phải đem đảng-loại thu tụ vào trên triều-đình, thì ở triều-đình tất nhiên phải có nhiều người bất-hiền; mà những người hiền-trí thì lại vì không có bè-đảng, mà phải đến nỗi bất-đắc kỳ-chí. Vả lại công-khanh bất-hiền đã đem đảng-phái bất-hiền lên chốn triều-đình, thì một cái triều-đình bất-hiền lại đem cả đảng-phái mà phân-bố ra ngoài tứ-phương, và khắp cả các nơi châu quận nữa; thế thì tuy có một luật-điều «công-cử không đúng thì đồng tội», cũng có đủ cậy gì đâu, mà e lại giúp thêm cho những người bất-hiền nữa.

Thứ nữa thì có những phép thi «Cửu-kinh Ngũ-kinh học-cứu» và khoa «Minh-pháp» nữa, thế là triều-đình đã sợ các khoa kia vô-dụng, nên dày chỉ dạy cái đại-nghĩa cho mà thôi, nhưng mà cái đại-nghĩa của họ sở-đắc, cũng chẳng hơn gì với ngày trước cả. Nay Triều-đình lại mở thêm một khoa minh-kinh, để dẫn tiến những người có kinh-thuật, nhưng mà khoa minh-kinh lựa người, cũng chỉ lựa những

người nhờ sách và thông văn-từ mà thôi ; còn những người chỉ thông hiểu cái đại ý của tiên-vương mà có thể dùng ra việc nước được, thì lại chưa chắc là có dự vào hạng ấy được.

Thứ nữa lại có một hạng « Quan-viên tử-đệ », thì học trường chưa hề dạy bảo đến đạo-nghệ, quan-ti chưa hề hỏi đến tài-năng, phụ-huynh cũng không hề cam-đoan cái hạnh-kiểm của chúng nó, thế mà triều-đình đã vội giao quan-chức cho, ủy công việc cho. Xưa Võ-vương kể tội ông Trụ, có một khoản rằng : « Cho người ta làm quan thì lấy theo gia-thế, 官人以世 », cho làm quan mà chỉ lựa theo gia-thế, mà không kể tài-năng ra thế nào, ấy chính là cái nguyên-cớ ông Trụ đến nỗi loạn-vong, chứ đời trị-thế thì có đâu làm như vậy.

Lại thứ nữa thì có một hạng « Ngoại-lưu », hạng này là một hạng mà triều-đình để riêng ra ngoài vòng liêm-sỉ, và hạn-chế cả con đường thăng-tiến nữa, thế mà có khi cũng giao cho những công việc các châu quận, khiến họ được cai-trị cả sĩ dân, như thế thì có đúng nhằm với câu : « Đem người hiền cai-trị người bất-hiền » hay không? Tôi chỉ nói về các chức-sự thuộc dưới quyền-hạn của tôi mà nghe ! Một địa-hạt rộng vài ngàn dặm, quan-lại ở các châu quận, về hạng ngoại-lưu, nơi nào cũng có, mà tìm cho ra những người có thể ủy-nhiệm chức-vụ được, thực là không được vài người, huống nữa là cần phải ngăn ngừa gian-dối, chính là thuộc về bọn ấy cả. Vì đời xưa lựa người chỉ phân-biệt tại chỗ hiền với bất-hiền, chứ không hề phân-biệt tại nơi các lưu-phẩm, cho nên đức Khổng-tử là bậc thánh, mà cũng từng làm thuộc-lại cho Quý-thị, vì rằng tuy làm lại mà cũng có thể làm lên đến công khanh được. Đến đời sau lại lấy các lưu-phẩm làm phân-biệt, nhưng người thuộc về ngoại-lưu, dù có thanh-lập chăng nữa, họ cũng tự để riêng mình họ ra ngoài vòng liêm sỉ, mà không có cái ý cao-thượng gì nữa.

Ở đời cận-thế này, phong-tục đã hóa ra thua sút, những bậc sĩ-phu có tài-trí đủ ra làm quan được, và lại được triều-đình cổ-lệ cho nữa, thế mà đến khi vãn-tiết, có khi lại hóa làm gian-dối, huống chi là những người trong khi thành thân đã không có cái tư-tưởng cao-thượng, mà triều-đình lại bỏ ra ngoài vòng liêm-sỉ lại hạn-chế cả con đường tiến-thân nữa, thì khi ra trị dân hành-chính mà có buông-tuồng xa-xỉ, vẫn cũng là phải rồi. Còn đến như những cái chức-vị về biên-cương túc-vệ, thì tôi đã nói rõ trước kia rồi, không phải nói lại nữa. Các điều trên đó, tức gọi là « lựa người không đúng cách » vậy.

Đời bây giờ, lựa người đã không được đúng phép, đến khi dùng ra lại không hỏi đến cái đức nên dùng việc gì, mà chỉ hỏi về xuất-thân trước hay sau ; không hỏi đến cái tài xứng-đáng hay không, mà chỉ hỏi bổ quan đã lâu hay mới ; người do văn-chương mà lên, mà lại sai ra làm tài-chính ; đã sai ra làm tài-chính, rồi lại cải qua làm việc hình-án ; đã sai làm việc hình-án, rồi lại xây qua làm việc lễ nghi ; ấy thì một cái thân của một người, mà hết phải đủ tài của trăm quan, nên chi nhân-tài rất là hiếm vậy. Triều-đình bắt người ta làm những việc khó làm, tất-nhiên những người làm được việc là ít lắm ; người làm được việc đã rất ít, tất-nhiên là đua nhau mà ngồi không ; bắt làm việc lễ-nghi, mà không hề ai lấy sự không hiểu lễ-nghi làm lo, là vì chưa hề đọc đến lễ-nghi

vậy; bắt làm việc hình-án, mà chưa hề ai lấy sự không giỏi hình-án làm sợ, là vì chưa hề học đến hình-án vậy. Sự thất-giáo đã ngầm-ngầm lâu ngày, cái thành-tục đã quen thuộc lâu ngày, nên chi người ta thấy triều-đình dùng người nào không đúng trật tự, thì cùng nhau mà công kích, chứ đến như tài-đức không xứng-đáng, thì không hề ai nói đến. Vả chăng những người tại-chức thường bị thay đổi, mà không ở được lâu ngày, cho nên trên thì không luyện-tập cho hiểu các công việc, dưới thì không được quen thuộc cho được yên theo giáo-trạch; người hiền thì những công việc làm ra, chưa có kết-quả, người bất-hiền thì những điều tội-lỗi chưa đến bại-lộ; còn đến những cái lao-lục về tổng cựu nghinh tân, và cái tệ-hại về thu giấu bộ-thư, thì là việc nhỏ-mọn mà không đủ kể. Đại-đề đặt quan phải nên cho tại-chức được lâu ngày, đến như những chức-vị nào mà địa-hạt xa-xôi hay là trách-nhiệm lớn-lao, thì lại càng nên cho ở lâu ngày, mới có thể thi-thố được; mà đời nay thì đặt quan không được ở lâu, có khi chỉ vài ngày đã dời đi nơi khác nữa. Lựa quan đã không được tường-thẩm, dùng quan lại không được xứng đáng, tại-chức lại không được lâu ngày, ủy-nhiệm lại không được chuyên nhất, mà lại mỗi một việc đều đem pháp-luật mà thắt buộc lại, khiến cho người ta không tự-do để thi-thố được, nên chi tôi dám quyết chắc rằng quan-trường đời nay không có người nào giỏi cả. Vẫn biết rằng giao quyền-bính cho mà không đem pháp-luật mà thắt-buộc lại, thì họ sẽ phóng-túng nhiều điều; vậy nhưng mà, nếu quan-trường đều là người bậy, mà chỉ dựa cậy vào nơi pháp-luật, thì xưa nay chưa có ai làm như thế mà trị-an được; mà nếu quan-trường đều là người giỏi cả, mà việc gì cũng thắng-thúc theo pháp-luật khiến cho họ không tự-do để thi-thố được, thì xưa nay cũng chưa có ai làm như thế mà trị-an được. Lựa quan không được tường thẩm, dùng quan không được xứng-đáng, tại-chức không được lâu ngày, ủy-nhiệm không được chuyên-nhất, mà lại một việc gì cũng đem pháp-luật mà thắt-buộc lại, thì dù trên quan-trường có người tài-giỏi đi nữa, mà so với người bất-tài cũng có khác gì đâu; vì vậy nên chi triều-đình có biết được người kia là tài-giỏi có thể gánh việc được, mà nếu trật-tự chưa đúng, thì cũng không lấy cái tài giỏi ấy mà thăng liền cho, vì rằng thăng-tiến như vậy tất-nhiên là sĩ-phu chẳng phục-tình. Triều-đình biết rõ được người kia là bất-tài, mà nếu không bị ai tham-hạch khoản gì, thì cũng không lấy theo sự bất-tài đó mà truất-giáng liền đi, vì rằng truất-giáng như vậy, tất-nhiên là sĩ-phu cũng chẳng phục-tình vậy; ấy là vì cớ làm sao? chính là vì cái cớ người hiền với bất-hiền hỗn-tạp chẳng khác nhau vậy. Trên kia tôi đã nói: « Đã không dùng người ta lấy chức sự cho đúng, mà lại không có hình-phạt gì để trị những người làm không nổi việc », là nói ý ấy vậy.

Nói tóm lại thì dạy người, nuôi người, lựa người, dùng người, trong bốn điều ấy nếu có một điều nào thất-cách, là cũng đủ bại-hoại mất nhân-tài của cả nước, huống nữa là gồm cả bốn điều mà làm cho thất-cách cả, thì trên quan-trường đều là những người bất-tài, lười-biếng và tham-nhũng, dưới thảo-dã thì tìm không ra một người nào dùng được, sự đó là một cái lẽ đương-nhiên, chẳng lấy chi làm quái lạ. Kinh *Thi* rằng: « Tuy rằng

quốc-thế suy-vi, người thì thánh-triết, kẻ thì khá hơi; dân tuy chẳng giỏi mười-mươi, có người mưu-lược có người khéo-khôn; đến như nước ở đầu nguồn, theo dòng trút xuống chảy tuôn một bề; 國雖靡止, 或眾或否, 民雖靡膴, 或哲或謀, 或肅或艾, 如彼流泉, 無淪胥以敗», là nghĩa như thế.

Trên quan-trường đã không có đủ nhân-tài, mà dưới thảo dã cũng không có người nào dùng được, thế thì có phải là không làm nổi chính-trị của tiên-vương mà thôi đâu, tôi e rằng cái gánh xã-tắc và quan-ải, bệ-hạ có thể dựa theo sự hạnh-phúc mà không lo sợ gì được không?

Xem như Trương-Giốc ở đời Hán, 36 vạn quân, đều khởi lên trong một ngày, đi qua các quận-quốc, không ai dám đi báo-cáo; Hoàng-Sào ở đời Đường, tung-hoành khắp cả nơi, đi đến đâu cũng chẳng ai dám kháng-cự; Hán Đường sở-dĩ loạn vong, là bắt đầu tự hai việc đó.

Đường đã mất rồi, dần-dà cho đến đời Ngũ-đại, các quan đều là bọn vũ-phu, người hiền thì núp-nép tiêu-tan chẳng thấy một người nào; những người làm quan thì không ai biết cái nghĩa quân thần và cái lễ trên dưới nữa, hồi đó xã-tắc rối-rắm, quá hơn một cái bàn cờ, nhân-dân thì chết lăn đầy đường, những người may mà khỏi chết ở các mương rãnh, là thuộc về một số rất ít.

Chỉ một việc nhân-tài thiếu-thốn, mà cái tai-họa đến như vậy; thế mà các triều-quan không hề có ai vì bệ-hạ mà lo xa ngầm rộng, không có ai vì xã-tắc muôn đời mà lập mưu bày chước, tôi thực lấy làm không hiểu.

Xưa vua Võ-đế đời Tấn, chỉ thích về việc trước con mắt, không hề lo cho con cháu, hồi đó các quan đều là qua-loa xong việc, đến nỗi phong-hóa suy-đồi, bỏ hết cả lễ-nghĩa và pháp-luật, trên dưới đua nhau mà làm chạ, không hề ai chê nhạo đến ai, người thức-giả đã biết là sẽ đến loạn-lạc; quả-nhiên tiếp đến trong nước rối-rắm, dắm vào tay di-địch đến hơn hai trăm năm.

Tôi trộm nghĩ: Tổ-tôn liệt-miếu phó-thác một nước cho Bệ-hạ, là có ý muốn cho tổ-tôn được hưởng cúng tế đến muôn đời, và nhân-dân thì nhờ ơn cho được thái-bình vạn-đại; nay tôi xin Bệ-hạ phải xem lấy cái gương của Hán, Đường, Ngũ-đại và Tấn Võ-đế sở-dĩ vì sao mà đến họa loạn, rồi hạ chiếu cho các đại-thần nghĩ cách thế nào để mà đào-tạo nhân-tài ra, lo liệu cho có mưu chước, kế-hoạch cho có chừng hạn, thi-hành cho có thứ-tự, kỳ cho được thỏa-hợp với sự biến đương-thời, và không trái mất cái ý-chỉ của Tiên vương, thì chắc là nhân-tài trong một nước, sẽ dùng không hết; nhân-tài đã dùng không hết, thì Bệ-hạ còn sợ làm gì mà không được, muốn gì mà không thành nữa.

Trước đã nói: « Lo liệu cho có mưu-chước, kế-hoạch cho có chừng-hạn, thi-hành cho có thứ-tự, thì đào-tạo nhân-tài rất là dễ »; như tôi đã từng xem sách *Mạnh-tử*, thấy ngài nói vương chính dễ làm, thì cũng cho là phải; kịp khi xem ngài nói chuyện với Thận-tử, nói về đất Tề, Lỗ, thì ngài nói rằng: « Tiên-vương chia nước chư-hầu, lớn ra cũng bất-quá trăm dặm; nay nếu có vương-giả nổi lên, thì những nước có đất đến ngàn dặm hay là trăm dặm, đều là phải bớt lại cho đến vài chục dặm mới thôi; » tôi

43

vẫn nghi rằng Mạnh-tử tuy có nhân-trí, có thể nhất-thống thiên-hạ lại được, nhưng có tài gì khỏi dùng đến binh-lực, mà khiến những nước cường-quốc lớn vài ngàn dặm, họ chịu bớt đất mười phần mất hết tám chín phần cho nhỏ lại như nước hầu về đời tiên-vương. Sau lại xem vua Hán Võ-đế dùng theo cái chước của Chủ-Phủ Yển, cho các hầu-vương được phép suy ân, phong đất cho con em, mà do Thiên-tử định quốc-hiệu, khi bấy giờ các con em của các hầu-vương đều được dự chia phần đất, mà những nước hầu nào đất rộng sức mạnh, tự-nhiên phải chia xé mà hóa ra nhỏ yếu. Xem đến đó tôi mới biết rằng lo liệu cho có mưu-chước, kế-hoạch cho có chừng-hạn, thi-hành cho có thứ-tự, thì nước lớn có thể làm nhỏ lại, nước mạnh có thể làm yếu lại, mà không đến nỗi kinh-động, biến-loạn và tổn-thương; thế ra lời nói của Mạnh-tử không hề quá-đáng chút gì cả; huống chi nay mà muốn cải-cách chính-trị, thì không đến nỗi khó như các việc mà Mạnh-tử đã nói đó, cho nên tôi mới nói rằng: « Lo-liệu cho có mưu-chước, kế-hoạch cho có chừng-hạn, thi-hành cho có thứ-tự, thì rất là dễ làm » vậy.

Thế nhưng mà tiên-vương trị thiên-hạ không sợ người ta không làm việc, mà chỉ sợ người ta không thể làm được; không sợ người ta không thể làm được, mà chỉ sợ tại mình không hết lòng gắng sức.

Thế nào là gọi rằng « Không sợ người không làm việc, mà chỉ sợ người ta không thể làm được »? Nhân-tình về sự ước-nguyện, là nết hay, là tiếng tốt, là chức cao, là lợi nhiều; tiên-vương biết lấy mấy điều đó mà giá-ngự sĩ-phu, sĩ-phu nào làm giỏi về chính-trị, thì sẽ đem tất cả các điều nguyện-ước đó mà bạn thưởng cho, nên chi, trừ ngoại những người bất-tài, còn những người tài-năng, ai lại dại chi mà chịu bỏ các điều ước-nguyện của mình, mà không gắng sức làm công việc, nên chi tôi mới nói rằng: « Không sợ người ta không làm việc, mà chỉ sợ người ta không thể làm được ».

Thế nào là gọi « Không sợ người ta không thể làm được, mà chỉ sợ tự mình không hết lòng gắng sức »? Tiên-vương đặt phép, thể tất cho người ta đã là chu-chí, trừ ra một hạng hạ-ngu không biến hóa nổi còn dư không có người nào mà không thừa-hành được; nhưng nếu tự mình mà không có một tấm lòng chí-thành khẩn-thiết, đem sức mà làm trước mọi người, thì ai lại chịu đem lòng chí-thành khẩn-thiết mà đối-phó lại; cho nên tôi mới nói rằng: « Không sợ người ta không thể làm được mà chỉ sợ tự mình không hết lòng gắng sức ».

Nay Bệ-hạ nếu muốn tác-thành cho được có nhân-tài, thì tôi chỉ xin Bệ-hạ hết lòng gắng sức mà thôi.

Tôi lại xem triều-đình ta về đời trước, hễ muốn thi-hành hay cải cách một điều gì, vẫn là đã trù-tính rất kỹ-lưỡng, mà nếu có một bọn đê-liệt họ không bằng lòng mà sinh ra dị-nghị, thì liền phải bỏ ngay, mà không dám làm nữa; còn tiên-vương tuy là lập-pháp để lợi cho thiên-hạ, nhưng mà đang khi thừa-tiếp theo sau đời loạn bậy, thì sự sáng-lập pháp-độ, chưa hề là khỏi mắc sự gian-nan; vì nếu khi sáng-lập pháp-độ mà hết thảy bọn đê-liệt đều bằng lòng mà không khảng-nghị, thì các pháp-độ của tiên-vương đến nay cũng hãy còn mãi mãi; chỉ ngặt vì đương-sơ sáng-lập pháp-độ,

thường bị bọn đê-liệt không chịu tuân theo, cho nên đời xưa hễ muốn làm sự gì, tất là phải đem binh-lực ra trước, rồi mới có thể như nguyện được. Kinh *Thi* có nói rằng: « Phải chinh-chiến, phải oai hình, tứ-phương mới chịu tuân-hành theo ta, 是肆是伐, 是絕是忽, 四方以無拂 », là nói vua Văn-vương trước dùng chinh-tru, rồi sau mới hành-chính khắp cả nước vậy.

Tiên-vương có lòng cải-cách pháp-độ, để thay cho hết cái phong-tục đồi-bại, để tác-thành cho có nhân-tài, thì dù có xảy ra việc chinh-chiến, cũng phải bấm gan mà làm; là vì không làm như thế, thì không thể làm việc gì được.

Sau đến đức Khổng-tử là một người bình-dân, mà đi du-lịch khắp các hầu-bang, đi đến đâu cũng khuyên vua tôi người ta bỏ những điều đã quen, trái những điều đã thuận, và cổ-vũ những điều đã liệt-nhược, đi lại bời bời, có khi lại bị họ xua đuổi, mà rốt cùng cũng không hề thay đổi cái thái-độ ấy; là ngài nghĩ rằng không thế thì không có thể làm gì được ; thế là cái chí-hướng của Khổng-tử cũng không khác gì với tiên-vương vậy.

Kể các bậc thánh về vua chúa, thì ai cho bằng vua Văn-vương, các bậc thánh về thường-nhân, thì ai cho bằng đức Khổng-tử, mà muốn thi-hành muốn cải-cách một sự gì, đều là phải làm như thế cả. Còn nay thì tình-thế trị-an, địa-vị cũng tức là địa-vị của tiên-vương, thì sáng-lập pháp-độ cũng không phải có sự khó-khăn phải dùng đến sự chinh-chiến; tuy cũng có bọn đê-liệt không bằng lòng mà chê-bai, mà cũng không nhiều hơn được cái số người bằng lòng mà thuận theo; thế mà nghe có một lời dị-nghị của bọn đê-liệt, thì liền thôi đi mà không làm nữa, ấy chính là một cái ngộ-điểm vậy.

Bệ-hạ nếu có lòng tác-thành nhân-tài cho cả toàn-quốc, thì tôi chỉ xin bệ-hạ phải dùng chữ «quả-quyết» mà thôi. Nếu bệ-hạ lo-liệu đã có phương-chước, qui-hoạch đã có chừng-hạn, thi-hành đã có thứ-tự; mà lại thêm cho mấy chữ « nỗ lực » và « quả-quyết » nữa, như vậy mà nếu không đào-tạo nhân-tài được, là tôi chưa hề nghe sự ấy vậy.

Nhưng mà những điều tôi nói trên, đều là bọn lưu-tục chưa học đến và nghị-giả cũng cho tôi là vu-khoát mà chớ. Tôi đã từng xem được sĩ-phu đời nay, vẫn cũng có người muốn dùng hết sức tâm-can tai mắt, để bổ-ích cho triều-đình, nhưng đối với lợi-hại thì họ cho là đời này không thể làm sao được; sĩ-phu đối với triều-đình như thế, triều-đình lựa chọn sĩ-phu cũng là như thế, chứ như những điều đại-cương đại-pháp và lễ-nghĩa, là những việc ở đời tiên-vương cố ra sức học-tập và giữ-gìn, thì không hề giảng-cứu đến nơi, mà có ai xướng-nghị đến một điều, thì nhóm nhau cười nhạo cho là vu-khoát; nên chi đời nay triều-đình tuy cũng có lưu-tâm về lợi-hại, quan-lại tuy cũng có khó nhọc về giấy mực, mà cái hiệu-quả bày ra trước mắt là như thế; vậy thì những lời chế-nhạo rằng vu-khoát đó, xin bệ-hạ lưu-tâm mà xét kỹ cho.

Đời vua Đường Thái-tôn hồi đầu hiệu Trinh-quán, các quan bàn luận phân-vân, như bọn Phong Đức-Di thì nói: « Như không dùng theo chính-trị của hai đời Tần Hán, thì không trị

thiên-hạ được»; duy có một mình Nguy-Trưng là biết đem chính-trị của tiên-vương ủa khải-cáo với vua Thái-tôn mà thôi; tuy rằng sự hành-vi chưa đúng như hệt với đời trước, nhưng mà cái đại-khái thì cũng đã in rồi, cho nên trong quãng mười năm ít xảy ra sự hình-ngục, trong nước thì an-trị, ngoại-quốc thì phục-tòng, kể từ sau Tam-vương trở lại, chưa có lúc nào được thịnh-trị như đời ấy cả.

Cái phong-tục đời vua Thái-tôn cũng in như cái phong-tục đời bây giờ, lời nói của ông Nguy Trưng, cũng tức là những lời nói mà đời bây giờ cho rằng vu-khoát vậy, thế mà sự kết-quả của đời Đường lại được như vậy. Xưa Giả Nghị có nói: «Có kẻ chê đức-giáo không bằng chính-lệnh, thì sao không đem việc đời Thương đời Châu mà so với đời Tần đời Hán thử xem sao?» như vậy thì việc Đường Thái-tôn nay cũng có thể xem mà làm gương vậy.

Tôi nhân vì gặp được lúc này đem chức-sự về tâu với bệ-hạ, quên hẳn mình là đê-liệt không xứng chức, mà dám nói đến cái đại-chính của nhà nước, là vì tôi mông ân bệ-hạ nhiệm-dụng đến tôi, mà đương khi về triều báo chính này, tôi trộm nghĩ: chốn quan-trường nhân-tài không đủ, không xứng với tấm lòng nhiệm-dụng của triều-đình, mà triều-đình thì tuyển-dụng sĩ-phu có điều chưa đáng, nên chi sĩ-phu không làm cho hết tài năng được, ấy cũng là chức-sự của tôi có can-thiệp đến, cũng tức là một điều mà bệ-hạ cần nên nghe cho biết vậy. Nay nếu tôi bỏ các điều đó mà không nói, mà chỉ nói sơ-sơ một đôi việc nhỏ-nhen, để thêm rác tai mắt của bệ-hạ, mà cũng không bổ-ích cho đời, là không phải cái nghĩa-vụ của tôi trung-thành khẩn-thiết với bệ hạ mà làm như vậy; cúi xin bệ-hạ xét kỹ mà lựa chọn lấy những điều trúng-dụng được, là hạnh-phúc cho thiên-hạ lắm lắm.

THUẬN-GIANG *dịch*

GIA-ĐÌNH GIÁO-DỤC (1)

V

15.— Đánh mắng không bằng dạy khuyên

Khi đứa trẻ con nghịch bậy, thời thường người làm cha mẹ hay nổi giận lên mắng mấy câu, đánh vài cái mà chẳng giảng-bảo cho là vì làm sao. Như thế thực là không biết phép dạy trẻ. Vì rằng : Một là như thế, đứa trẻ nó vẫn không hiểu tại sao sự nó làm đó lại là trái. Ví như nó trông thấy người nào đó có thức gì ăn tốt, nó chẳng hỏi gì người ấy mà cứ đến lấy mà ăn, thế là vì nó không hiểu rằng làm thế là cái cách ăn trộm ăn cắp, cho nên nó mới phạm vào điều xấu ấy. Cha mẹ không biết giảng bảo rõ-ràng cho nó rằng làm thế là cái cách ăn trộm ăn cắp, và khuyên-răn nó lần sau đừng nên như thế, lại chỉ đánh mắng ầm ỹ lên một chặp rồi thôi, nó tuy bị đánh mắng đấy, nhưng vẫn không hiểu thế là cái cách ăn trộm ăn cắp, thành ra lần sau nó không khỏi lại phạm vào tội ấy. Đó là một cái thói xấu về sự dạy trẻ.

Hai là lần trước hằng dạy khuyên nó mà không được thì lần sau sẽ đánh mắng để ngăn-ngừa nó đi. Chứ nếu động một tí là đánh mắng luôn, thì rồi cái lối dạy bằng cách đánh mắng đó, có lúc cũng đến phải cùng. Là vì nếu lần sau nó lại làm phải điều bậy hơn, thì sẽ lấy cách gì mà đối-phó với nó. Vả con trẻ nó yên-trí rằng làm lào cũng chỉ đến bị đánh mắng là cùng, nó bèn thành ra đứa dạn dòn quen mắng, coi sự đánh mắng là sự thường. Lâu dần rồi không còn biết xấu hổ là gì nữa. Đánh mắng là muốn để cho con trẻ được hay ra mà chung-qui khiến cho con trẻ thành ra liều-lĩnh. Đó là một cái thói xấu về sự dạy trẻ.

Ba là sức óc trẻ con chưa đầy-đủ, cha mẹ đừng nên vội-vàng cho nó chóng hay chóng giỏi ngay. Ví như dạy nó nhận chữ gì, nếu dạy một lần mà nó không nhớ được, liền đánh mắng ngay một chặp. Đứa trẻ con sức óc còn non, tính còn rút-rát, bị đánh mắng một chặp, trột cả khí-phách, loạn cả óc. Nếu nó có là đứa có khiếu thông-minh cũng bị dọa-nạt mà ủng-tắc cái khiếu thông-minh ấy đi mất.

Những ông thầy lấy đánh mắng làm cốt-yếu cho sự giáo-dục, khiến cho trẻ con coi chỗ nhà trường như chỗ « nhà pha », coi ông thầy như người cai ngục, coi sách-vở như đồ gông-cùm. Từ sáng đến tối, nó chỉ lo sợ không ngơi để tránh sao cho khỏi hình-phạt, còn nghĩ gì đến sự học-hành ; ở nhà cha mẹ cũng động một tí là đánh mắng, khiến cho con cái cũng coi chỗ gia-đình như chỗ nhà pha, coi cha mẹ

(1) Xem *Nam-Phong* từ số 199.

không khác gì người cai ngục. Như vậy đều là không biết phép dạy trẻ cả.

Biết như thế thì người làm cha mẹ mà muốn cho con hay, quyết không nên dùng cách đánh mắng. Muốn ngăn cấm những điều dại-dột cho con trẻ, phải dạy khuyên cho nhiều. Nếu dạy rồi khuyên rồi mà con trẻ không nghe, hay là cố-ý tái-phạm, hay là việc ấy tuy nhỏ nhưng xét thấy lộ ra cái tâm-thuật của nó không được tốt, thì ngoài sự khuyên dạy, không đánh mắng cũng không được. Nhưng phải là dùng sự đánh mắng để làm cách dạy cuối cùng chứ không nên đánh mắng luôn luôn. Và lúc đánh phải tỏ cho nó biết vì nó hư quá mới phải đánh, cha mẹ vốn không muốn đánh, không làm thế nào được mới phải đánh. Lúc mắng thì nó lỗi năm phần không nên mắng quá đến mười phần, mà chặn dứt mất cái lối để cho con trẻ nó hồi đầu. Việc đáng mắng năm câu, không nên mắng đến mười câu, để cho con trẻ nó không thể nhớ hết được.

Khi nào con trẻ phạm phải điều lỗi gì mà nó tự nói ra thì không những không nên đánh mắng nó nữa, lại nên khen ngợi cho nó là không giấu cha mẹ. Như thế là để bảo-toàn lấy cái nết tốt là nết « không giấu điều lỗi » của nó. Nếu lại đánh mắng nữa tức là mình ép nó quen cái thói có lỗi không dám nói ra. Thế là cái cách cha mẹ dạy cho con che lỗi đi, xui cho con lừa dối người đời vậy.

⁂

16. — Dì ghẻ phải chăm nuôi dạy con vợ trước cho tử-tế

Người làm dì ghẻ thường có hai thói xấu.

Một là coi con cái người vợ trước như kẻ cừu-thù: Một đàng thì ngược-đãi nó, một đàng thì nịch-ái con cái mình sinh ra. Đó là cái thói chỉ biết xót con của mình mà không thiết gì đến con của vợ trước. Nhưng đứa con người vợ trước ấy nhân vì bị cai-quản nghiêm-khắc thì thường nó lại biến ra người hay. Còn con của mình nhân vì được nuông chiều lại thường hóa ra người hỏng.

Hai là coi con người vợ trước như người dưng: một mặt thì giữ kẽ, sợ mang tiếng, cái gì cũng để mặc kệ nó muốn làm thế nào thì làm. Một mặt hết sức dạy bảo con của mình. Cách xử như thế tựa hồ khoan-đãi con vợ trước. Nhưng có biết đâu rằng đứa con vợ trước ấy nhân vì không được dạy bảo mà thành người hỏng, cố-nhiên người đời người ta vẫn đổ cái lỗi ấy cho người mẹ kế làm hại nó mà bêu-diếu tiếng xấu cho mình. Không những thế mà thôi, đứa con người vợ trước ấy bao giờ nó cũng vẫn là anh, con mình bao giờ cũng vẫn là em. Em hay bắt-chước anh là lẽ thường. Nay thằng anh nó không được dạy bảo đã bị hư rồi, thì liệu còn thằng em nó, mình có thể cứ dạy bảo cho rõ hay, rồi cấm tuyệt không cho nó theo học lấy cái hư của anh nó, phỏng có được không?

Coi đó thì kẻ làm mẹ ghẻ, đối với con vợ trước, một niềm khoan-đãi đã không phải, mà một niềm ngược-đãi cũng là lầm. Là đều không biết rằng bổn-phận làm mẹ ghẻ phải dạy bảo nuôi-nấng con vợ trước, chứ không nên phân-biệt mẹ đẻ với mẹ ghẻ. Con nào cũng là con của mình, mình đều phải một loạt dạy nó yêu nó, chứ không nên phân-biệt đứa nào là con đẻ, đứa nào là con vợ trước. Con cái mà đứa nào có điều gì hư, nên kèm-cặp thì kèm-cặp, nên trách-phạt thì

trách-phạt, với đứa nào cũng thế. Nếu ai có bảo là mình xử nghiệt, mình cũng không cần cãi lại. Con cái mà quả là ngoan nên khen-lao thì khen-lao đều, nên thương-xót thì thương-xót đều, nếu ai có bảo là mình dung-túng cũng không cần cãi. Không nên nhớ đến ba tiếng «con vợ trước» ở trong bụng, một lòng mong cho con nào cũng hay. Ngoài tai không cần người nào khen-chê, chỉ một lòng hết bổn-phận làm người mẹ ở với con. Mình cứ một mực công bằng, đứa con cái ấy nó mà hay thì không phải nói. Nhưng nếu nó là đứa có lỗi, tất lâu rồi nó cũng phải biết lòng cho mình. Người ngoài nếu không lượng-xét cho thì rồi sau họ cũng phải biết chỗ dụng-tâm của mình. Cầu lấy tiếng khen của người ngoài, là một sự tầm-thường, cốt sao cho mình dạy bảo được đứa con vợ trước nên người, thì con của mình tất nó phải học anh nó mà nên tử-tế. Không cần phải ôm-ấp riêng về nó, mà nó tự-nhiên hóa hay. Đó chính là một phép rất diệu muốn cho con mình hay của người làm mẹ ghẻ.

∴

17. — Cha không nên mờ dối mẹ, mẹ không nên mờ dối cha

Trẻ con động làm một việc gì là nó cũng đều bắt-chước ở cha mẹ cả. Vì vậy kẻ làm cha mẹ, muốn dạy cho con làm việc gì cũng đều chân-thực không mờ dối cha mẹ, thì chính thân hai vợ chồng trước phải đừng có kẻ nọ mờ dối kẻ kia.

Đời bây giờ, người làm chồng, thường hay ở nhà hoặc ra ngoài làm nhiều điều hư không cho vợ biết, nhưng vẫn không giấu được con. Người làm vợ thường hay giấu chồng, nào may quần áo đẹp, sắm hoa hột, nào mua thức ăn ngon. Làm như thế không những không giấu được con, mà lại dạy cho nó biết cách mờ dối bố nó nữa. Không những tự mình tiêu tiền một cách giấu chồng, lại còn hay lấy tiền cho con tiêu riêng mà không cho bố nó biết. Tưởng như thế là yêu con, có biết đâu làm như thế không những dạy cho con nó bắt chước rồi nó sinh ra mờ dối cả cha mẹ mà làm những việc lếu-láo. Vả nhân đó nó thấy được chỗ xấu của cha mẹ tự-nhiên nó sinh ra coi cha mẹ không ra gì. Đối với bố, nó còn sợ-hãi đôi chút, chứ đối với mẹ thì nó càng thêm «hỗng». Nó cậy đã có mẹ nó cho tiền, nên có đồng nào là nó tiêu láo ngay. Nó cậy đã có mẹ nó che-chở đi cho nó, nên gặp việc gì lếu-láo nó cũng dám làm. Bẻ không vin, cả mới nốn thì gẫy cành. Buông rông thả dài đã quen, ép vào khuôn-phép không được nữa. Thế là con hỏng.

Con hỏng rồi, bấy giờ cha mẹ có biết hối mà hết sức cùng lòng dạy bảo để chữa lại, thì cũng không ăn thua gì nữa.

∴

18.— Sự quan-hệ về vú-em và những đứa ở trai gái

Những nhà nghèo-hèn còn làm gì có người hầu-hạ, nên quyền giáo-dục con trẻ ở cả chính thân người làm cha mẹ. Còn những nhà quan-chức, nhà giàu có, tất-nhiên có nhiều vú em, đứa ở, con đòi. Kẻ làm cha mẹ đã là người giàu sang, thường không chịu khó quẩn-quanh với những đứa con bé. Vì vậy đem đứa con bé hoàn-toàn giao cả cho vú em, đứa ở, con đòi; mà cái quyền giáo-dục con bé thành ra ở cả chính thân những vú em, đứa ở, con

đòi. Thế mà bọn vú già, vú trẻ, thằng quít, con sen thì lại đều là hạng người hạ-đẳng, còn làm gì có cái thói hay nết tốt để truyền-nhiễm cho con mình. Đứa con mình lọt lòng ra đã bị truyền-nhiễm những thói hư nết xấu của kẻ hạ-đẳng, tới khi con mình lớn lên, dù có thói hay nết tốt gì cũng không có thể truyền-nhiễm vào được nữa.

Cứ xem như những đứa con cái nhà phú-quí, cha mẹ nó thì vẫn biết nói bàn về cái cách làm người, thế mà con cái họ thì mười đứa đến chín đứa không ra gì. Đó tức là sự quan-hệ về vú em và những đứa ở trai gái vậy.

Vì vậy tôi khuyên những người làm cha mẹ ở những nhà phú-quí, đối với việc gì muốn được sung sướng mặc lòng, nhưng đến như việc nuôi con dạy con, thì thế nào cũng chớ tham sự nhàn-rỗi quá mà không chịu vất-vả tự nuôi dạy lấy con cái của mình. Con còn bé nếu có thể được, thì cứ tự mình cho con bú lấy, con lớn dần lên cũng tự mang-dắt lấy, thế là tốt nhất. Bằng bận nhiều công việc, thì phải kén-chọn lấy những người vú em, đứa ở, con đòi nào thực-thà chắc-chắn sẽ giao con cho họ coi-sóc. Nhưng lại phải lúc nào cũng ngăn-ngừa, tra-xét đến họ luôn. Không cho họ làm việc gì bậy-bạ để con mình trông thấy, không cho họ nói điều gì bậy-bạ để con mình nghe. Chỉ mượn họ đỡ cho người làm cha mẹ những việc cho con bé mình bú mà thôi. Còn ngoài ra, việc gì cũng phải tự mình để ý mà làm lấy.

Như nếu ai lấy sự nuôi con thơ làm ngại thì thà đừng đẻ ra nữa là hơn. Đã đẻ ra thì phải dụng tâm để mà nuôi mà dạy. Như nếu cho con trẻ là cái bướu thừa làm phiền-lụy cho mình, một niềm phó mặc cho vú em, đứa ở, con đòi để họ làm cho con mình hư đi, thì đứa con hư ấy nó lại còn làm cái bướu thừa phiền-lụy cho nửa đời mình về sau mà phiền-lụy đến gấp vạn phần nữa kia. Nhà phú-quí không biết chăm nuôi dạy lấy con cái cho ra người để sau được có đứa con kế-nghiệp đáng trông cậy, mà để cho con cái hư-hỏng từ thủa nhỏ, thì cái phú-quí của kẻ làm cha mẹ muôn cay nghìn đắng mới làm nên được ấy, bất quá chỉ là vật dự-bị để cung cho nó dĩ-thõa cờ-bạc, phá một lúc là tan hết mà thôi. Phú-quí phỏng có được là bao.

***

19. — Con cái đến tuổi phải cho đi nhà trường

Trẻ con đã đủ sáu tuổi là đến thời-kỳ phải cho đi nhà trường. Cái bổn-phận giáo-dục trong gia-đình của kẻ làm cha mẹ đến đấy đã trọn được một nửa rồi, thì phải cho đi nhà trường ngay. Một là cha mẹ dạy con mấy năm vất-vả, nay cũng nên được chút thư-nhàn. Hai là con bé đã lớn, đã đến thời-kỳ biết nhận chữ đọc sách, người làm cha mẹ hoặc vì ít học không biết đủ phép dạy, hoặc vì biết dạy mà bận công việc không dạy được. Ba là hoặc cha mẹ có học-vấn, có thì giờ dạy được, nhưng trẻ con đọc sách ở nhà một mình, không có bạn học cùng nó cho vui, nó sinh buồn mà không chăm học. Vả học không có bạn để ganh đua, quyết không thể nào sinh ra được lòng cạnh-tranh thì sự học cũng khó mà tấn-tới được.

Nhân vì những cớ như thế, trẻ con đến sáu tuổi rồi, không cho đi nhà trường không được. Nhưng xem ra

50

nhiều người cha mẹ không muốn cho con đi nhà trường là vì bốn cớ sau này :

1) Sợ con ngày ngày phải đi học, bị gió mưa cảm-liễm, bị xe ngựa đè phải. Nhưng phải biết rằng gặp mưa gió thì nó tự phải tránh, mà tránh cũng chẳng khó gì. Nếu khi không tránh kịp bị dầm mưa dãi gió thì tức là để ma-luyện cho thân-thể đứa trẻ dạn mưa dạn gió cho quen đi. Còn như sự xe ngựa, thì hồi đầu đã có người lớn đưa nó đi, hay là bạn học dắt dủ, vài lần đứa trẻ đi đường phố đã quen rồi, tự-nhiên nó biết được phép tránh xe ngựa, không thể nào bị nguy hiểm được. Như nếu không cho con luyện-tập từ bé thì cha mẹ phỏng liệu có thể giữ con cứ ở mãi trong nhà suốt đời được không. Thế mà để cho nó đến vài mươi tuổi mới cho ra khỏi cửa, thành ra nó bỡ-ngỡ như mán ra kẻ-chợ, thấy xe ngựa chẳng biết tránh ra đàng nào, thì cũng lại càng thêm hại cho nó.

Đời bây giờ, đứa con gái bé lên sáu tuổi người ta cũng đã cho đi nhà trường rồi, không một gì con trai. Vậy người làm cha mẹ sao lại còn dùng cái lối nuôi dạy con gái ngày xưa là cái lối hủ, mà nuôi dạy đứa con trai đời bây giờ. Như thế không những khiến cho con trai nhà mình không hoạt-động mà lại để cho đứa con gái hoạt-động nhà khác nó cười chê cho.

2 Sợ tốn-phí về việc học. Như nhà có tiền thì không cần bàn đến câu đó. Còn như nhà không có tiền thì cha mẹ lại không có thể bớt ăn bớt mặc đi để dành ra ít tiền mà lo về việc học cho con được dư? Khoản gì bớt đi cũng được, chỉ có khoản về việc học là không bớt được. Sao vậy?

Vì rằng, con cái tự 20 tuổi về trước, toàn do cha mẹ phải nuôi-nấng cho, vậy cha mẹ phải một mặt thì nuôi, một mặt thì dạy. Đến khi con 20 tuổi tốt-nghiệp ở trường chuyên-môn ra, đứa giỏi ra đã có thể nuôi lại được cha mẹ, đứa kém nữa cũng có thể thân nuôi được thân mà không phải phiền-quấy đến cha mẹ nữa.

Phương-chi nếu chỉ nuôi con mà không dạy, thì không những trong 20 năm ấy chỉ là nuôi cho nó ăn không, người ta mà tự-lập được là nhờ có học-thức, nếu không có học-thức thì cha mẹ cứ nuôi cho nó mãn đời, nó cũng vẫn là đứa hèn, vẫn cứ phải ăn bám vào cha mẹ. Cho nên ngạn có câu: «*Nuôi con chẳng dạy chẳng răn, thà rằng nuôi lợn cho ăn lấy tiền*». Lợn chỉ phải nuôi chứ không phải dạy, nhưng lợn nuôi lớn bán được nhiều tiền. Đến như con, nuôi mà không dạy, đã không có lợi gì mà lại còn có nhiều cái hại nữa. Ý câu ngạn đó là nói nuôi con không phải khinh-thường như cách nuôi lợn, chỉ nuôi mà không dạy được. Nuôi con ví cũng như khẩn ruộng hoang, phải bỏ tiền ra thì mới khẩn được ruộng. Ruộng có thành điền thì mới có mùa màng, nếu không chịu bỏ vốn ra làm cho nên việc, thì không những ruộng cứ vẫn là ruộng hoang mà lại tốn tiền, năm nào cũng phải thuê người trông coi, phí uổng mất cả lương tiền.

Nuôi con có chịu tốn số tiền để dạy thì rồi mới bớt được số tiền để nuôi. Nếu không biết dùng tiền về việc «giáo» thì suốt đời phải phí tiền về việc «dưỡng» mà vẫn không xong.

3º — Sợ thầy giáo nghiêm-khắc quá mà trẻ con không chịu nổi. Song nếu cha mẹ mà thực muốn cho con mình

được hay, thì chính ngay nó còn ở trong nhà mình cũng phải tự kèm cặp, không để cho nó được phóng-túng một bước nào rồi. Thế mà nay lại gặp được ông thầy chịu chuyên tâm chú ý nhận biết chỗ chân-chính của sự giáo-dục, thì kẻ làm cha mẹ phải biết cảm-khích vô-cùng mới phải chứ, sao lại còn sợ là ông thầy nghiêm khắc quá. Mà nói ra cái lời vô-tri-thức ấy để đứa trẻ nghe thấy, không những nó không muốn đi nhà trường, mà nó lại cho rằng sự kèm cặp của cha mẹ nó cũng không chịu nổi được.

Chỉ có đứa trẻ nào mà thân-thể yếu-đuối, thì nên đến nói rõ với thầy giáo biết, xin thầy ấy liệu mà châm-chước cách dạy dần-dần cho nó. Chỉ sợ những ông thầy gặp chăng hay chớ mà thôi, chứ được ông thầy biết nhận tới chỗ chân-chính của sự giáo-dục thì còn gì bằng.

4° — Sợ thói xấu của nhà trường nó dẫn-dụ mà làm hư con cái nhà mình. Kể cái lo ấy thì cũng là phải. Vì phong thói ở trong học-đường ngày nay, tôi không dám nói nhất-định là ở đâu cũng đều hay cả. Thế nhưng học-trò vào nhà trường rồi, cha mẹ cũng vẫn còn cầm cái quyền quản-cố kia mà. Nếu cha mẹ thấy rằng học-phong của nhà trường ấy không tốt, hoặc giáo-pháp không tốt, thì cứ đến bàn với người trưởng-giáo và người giáo-tập xin các thầy ấy xét xem chỗ nào nên bổ-cứu thì bổ-cứu lại, nên cải-chính thì cải-chính lại. Người làm trưởng-giáo làm giáo-tập, ai không muốn cho nhà trường của mình hay. Thế mà nếu tự các thầy ấy bổ-cứu, cải-chính ngay lại thì càng hay. Muốn một mà người trưởng-giáo, người giáo-tập không chịu nói bàn với mình về việc đó, thì người làm cha mẹ cứ nói rõ cả ra cho họ biết; học-phong của trường họ mà như thế là không tốt, giáo-pháp của trường họ như thế là không tốt, nói một cách chính-đại đường-hoàng. Rồi không cho con mình đi học trường ấy nữa, mà tìm xem có trường nào tốt thì cho con đến học, việc ấy có khó gì.

Trong mười trường học, không lẽ lại không có một vài trường tốt. Bằng nếu thấy một trường nào có thói xấu mà ôm-ấp con quá không cho con đi học, thành ra « cưng » con mà làm hại cho nó.

Ấy những người làm cha mẹ mà sở-dĩ không cho con đi học nhà trường, đại-ước có bốn cớ ấy. Trong bốn cớ ấy chỉ có cớ thứ tư là còn có lẽ, còn ba cớ trên, thực không có nghĩa gì.

Hiện nay các quốc-gia đều thi-hành phép cưỡng-bách giáo-dục, con trai con gái đến đúng tuổi mà không cho đi học thì cha mẹ phải phạt. Sở-dĩ các quốc-gia đặt ra luật-lệnh ấy là muốn cho trong quốc-dân ai cũng được thành ra người có học-vấn cả, mà sẽ đủ trí khôn, đức tốt làm trọn bổn-phận của mình ở đời. Quốc-gia còn có bụng muốn cho dân ai cũng hay, há chính tự dân lại không biết lo liệu về đường học-vấn cho con cái được hay lên dư? Phương-chi muốn tiến-bộ, muốn sống còn ở đời này, muốn thay cũ đổi mới cho phải phép, trong dân-tộc không đủ trí-thức phổ-thông không làm gì nên. Muốn cho trí-thức phổ-thông, không có cái học phổ-thông không được. Học phổ-thông phải truyền dạy từ ngày còn thơ ấu. Nếu dân ta tự biết mưu-cầu về việc học cho con cái, thì quốc-gia càng mở rộng đường giáo-dục ra cho. « Nuôi con những ước về sau », ước về sau phải lo từ trước. Khuyên người làm cha mẹ nên lưu-tâm gắng sức về việc học cho con.

52

20 — Gia-đình với học-đường phải cùng một khí-vị như nhau

Trẻ con vào trường học rồi, trách-nhiệm tuy thuộc về nhà trường, nhưng chỉ thuộc về đấy có năm phần, còn năm phần nữa thì vẫn thuộc về cha mẹ ở nhà phải chịu. Sao vậy? Vì rằng trẻ con nó tin lời thầy không bằng tin lời cha mẹ. Mỗi ngày nó ở trong trường có nửa ngày còn ở nhà nửa ngày. Như nếu trong trường thầy giáo dặn nó về nhà phải học ôn cho kỹ, song về nhà cha mẹ không thúc-giục cho nó học ôn, cứ để mặc nó chơi nhởn thì nó có cần gì học. Trong trường thầy giáo khuyên nó phải tần-tiện chớ hoang-phí, song về nhà, cha mẹ lại tha-hồ cho nó tiêu hoang. Cách dạy dỗ trái nhau như thế, thầy dạy một đàng thì cha mẹ lại dạy đi một nẻo, gia-đình với trường học không cùng một khí-vị với nhau. Rồi con thành ra đứa học không nhớ, lại hay tiêu hoang, bấy giờ cha mẹ lại oán ông thầy không biết dạy, ông thầy chịu tiếng oan, mà con hư rồi cha mẹ hối lại không kịp nữa.

Vì vậy ở nhà cha mẹ phải tùy thời tiếp-xúc với thầy giáo, nghe ngóng xem giáo-pháp trong nhà trường thế nào. Hễ cái gì trong trường dặn nó phải làm thì cha mẹ phải giúp thầy giáo mà bách nó phải làm. Cái gì trong trường cấm nó thì cha mẹ phải giúp thầy giáo mà cấm-chỉ không cho nó làm. Gia-đình với học-đường phải cùng một khí-vị với nhau, thì thầy giáo mới không uổng-phí mất tinh-thần dạy dỗ, cha mẹ mới không uổng-phí mất tiền cho con đi học. Đứa trẻ biết mình không lẩn núp vào đâu được thì nó mới chịu chuyên về một chiều mà hăng-hái lên để học cho giỏi.

(*Hết*)

ĐỖ-NAM *dịch-thuật*

DỊCH THƠ CỔ

■

Bài ca cỏ thạch-xương-bồ

(Nguyên Hán-văn của Tạ Phòng-Đắc đời Tống)

有石奇峭天琢成。
有草天天冬夏青。

Đá chơm chởm, trời sinh đá lạ,
Cỏ xanh-xanh, xanh cả đông hè;

人言菖蒲非一種。
上品九節通仙靈。

Xương-bồ nhiều giống đã lề,
Giống này thượng-phẩm vốn bề thuốc tiên.

異根不帶塵埃氣。
孤操欲結泉石盟。

Khí trần-ai rễ thiêng chẳng nhiễm,
Gửi thân vào đá sạch nước trong;

明窗淨几育宿契。
花林草砌無交情。

Nơi tĩnh-kỷ chốn minh-song,
Rừng hoa ngạch cỏ vốn không giao-tình.

夜深不嫌風露重。
晨光疑有白雲生。

Hiềm chi nỗi năm canh mưa gió,
Vẻ thần-quang dường có bóng bạch-vân.

嫩如秦氏童女登蓬瀛。
手攜綠玉杖徐行。

Non như con gái họ Tần,
Tay mang gậy ngọc nhẹ chân non bồng.

瘦如天台山上聖賢僧。
休糧絕粒孤鶴形。

Gầy như thể hình dung chim hạc,
Núi Thiên-thai chẳng khác kẻ hiền-tăng.

勁如五百義士從田橫。
英雄凜凜磨青冥。

Cứng sao lẫm-lẫm tưởng chừng,
Năm trăm nghĩa-sĩ phải chăng Điền-Hoành.

清如三千弟子立孔庭。
回琴點瑟天機鳴。

Thanh đâu tựa Khổng-đình đệ-tử,
Ba nghìn dây, ngón Điểm vần Hồi;

堂前不入紅粉意。
席上常聽詩書聲。

Phấn hồng mặc thói cửa ngoài,
Thanh-cao trên chiếu lắng lời Thi Thư.

怪石篠蒲皆充實。
此物舜廊當共登。

Đá quái nọ tên xưa biền đãng,
Cỏ thơm này bệ Thuấn dàng lên;

神農知己入本草。
靈均蔽賢遭騷經。

Thần-Nông tri-kỷ đã nên,
Linh-Quân! trách kẻ nhác tên cao-hiền.

幽人耽玩發仙興。
方士食餌延修齡。

Người xóm ẩn bạn tiên hứng thú,
Khách làng tu tuổi thọ linh-đan;

綵鸞紫鳳琪花苑。
赤虬玉麟芙蓉城。

Vườn kỳ sớm phượng trưa loan,
Cầu chơi lân múa trên ngàn phù-dung.

上界眞人好清淨。
見此靈草常大驚。

Khách thượng-giới vốn lòng thanh-tĩnh,
Thấy cỏ này linh-dị tất yêu;

我欲攜之朝太清。
瑤草不敢專芳馨。

Ta mang cỏ ấy đi triều,
Ganh cùng giao-thảo ít nhiều tiếng thơm.

玉皇一笑留香案。
錫與有道長長生。

Đấng Ngọc-hoàng cười xem nên giá,
Trên án-hương đạo-giả trường sinh;

人間千葩萬草儘桑艷。
未必敢與爭高名。

Thế-gian nghìn đẹp muôn xanh,
Hoa kia cỏ nọ cao-danh nào tầy.

TÙNG-VÂN *dịch*

VĂN-UYỂN

Trên dòng nghiêng chén

— Đời người được mấy nỗi!
Hết thảy như mây nổi;
Vậy này anh Quế-viên,
Tội gì mà bon-chen len-lỏi?
Ta cứ uống say đi,
Cho quên đời gió bụi;
Rồi buông mái chèo ra,
Để mặc con thuyền theo gió thổi...

Tôi mơ-tưởng

Túp thảo-lư con dựa cạnh đèo,
Quanh-co khe nhỏ nước trong veo;
Cỏ lên lún-phún thềm xanh biếc,
Rêu mọc lăn-tăn vách mốc-meo;
Cảnh tạo-hóa: trăng trong gió mát,
Đàn thiên-nhiên: suối chảy thông reo;
Mặc ai sớm tối tranh danh-lợi,
Đủng-đỉnh chiều hôm một mái chèo.

Chơi núi Tử-trầm

Cái đẹp Trầm-sơn đẹp vậy thôi,
Mà sao tấc dạ cũng bồi-hồi?
Này cung Trịnh-chúa không còn nữa,
Mà dấu Châu-tiên cũng mất rồi;
Đục đá tiếng vang, lừng một cõi.
Nung vôi khói tỏa, ngất lưng trời;
Khách lo cho đồng Long-tiên lắm,
Họ đẽo kia-kìa đã đến nơi.

Chơi vườn Bách-thú

Cây cối xanh um khắp một vùng,
Có hùm có gấu có non Nùng;
Trong chuồng khỉ độc nhe răng trắng,
Trên ghế cô tây điểm má hồng;
Bỏm-bẻm đười-ươi nhai «phá-sáng»,
Nghênh-ngang công-tử chống «ba-tông».
Mồ ai vẳng-vẻ bên hồ đó?
Hỏi khách qua đường có biết không?

TÙNG-TOÀN

∴

Cái nguyên-nhân nghèo-túng của nước ta

Nằm sực nghĩ thở-than khôn xiết,
Nỗi nước nhà túng-kiết vì đâu?
Người mình, mình phải lo âu,
Sao cho nước mạnh dân giàu mới hay.
Tại sao đến nỗi này khốn-khó?
Nghĩ cho cùng lắm cớ đáng chê;
Khắp nơi kẻ chợ, nhà quê,
Người nằm trong giấc ngủ mê còn nhiều.
Tục hương-ẩm là điều thứ nhất,
Nợ miệng nhau phiền thật chẳng sai;
Nào khi khao-khoán, ma chay,
Nào khi phải chứa đang-cai việc thờ.
Ăn uống đã muốn ngơ không được,
Lại còn tranh giải cuộc cùng nhau;
Lợn gà cho chí bò trâu,
Một năm tốn-phí hết bao là tiền!
Việc đình-đám tuy-nhiên phải có,
Làm chi mà kéo rõ nhiều ngày;
Cùng-đinh đóng góp cũng rầy,
Việc quan đã vậy, lại rây việc làng.
Hai là cớ ưa hàng ngoại-hóa,
Của nước ta, ta chả thích dùng;
Nói ra khôn xiết đau lòng,
Thương thay! những kẻ bách công
Kề nội-hóa của ta tám-dã, [mất nhờ.
Đồ tơ kia cũng khá dễ trông;
Đồ sơn, đồ khảm, đồ đồng,
Này trẻ này pháo, kể không thiếu gì.

55

Cần chi phải sa kia gấm nọ,
Trè pháo Tàu, vải chú Tây đen;
Của người dùng mãi cũng quen,
Của ta ta cứ ta chèn sao đang!
Ba là cớ chơi hoang mặc rộng,
Kia thị-thành lồng-lộng cõi tiên!
Ra tay huy-hoắc đồng tiền,
Kiếm cho nhiều lắm lại quen tiêu nhiều.
Ăn mặc đã đua theo đúng « mốt »,
Lại còn đi rạp hát cao-lâu;
Thử qua những phố cô đầu,
Tối nào chả thấy tiếng chầu trát tom.
Mỗi phường « xiếc » đi rong qua đó,
Vét hàng nghìn có khó chi đâu;
Xa-hoa thôi thật rất màu,
Giai-nhân, tài-tử bảnh-bao dập-dìu.
Bốn là cớ lại nhiều cờ bạc,
Mê ăn thua trong cuộc đỏ đen;
Nhà quê kẻ chợ các miền,
Lắm người đồ-bác đã quen thành nghề.
Các sòng bạc đi về quen lối,
Đủ hạng người tối tối chơi bời;
Tài bàn, sóc-đĩa tầy trời,
Ích xì phán-thán kẻ chơi cũng nhiều.
Lúc kiếm được ăn tiền phung-phá,
Nhỡ thua luôn nhà cửa bán, cầm;
Bí-beng công nợ ngấm-ngầm,
Còn mong sao được sủi tăm mọc mầm?
Năm là cớ tin nhảm nghe bậy,
Đường dị-đoan chỉ thấy hay mê;
Quanh năm chầy các hội hè,
Món tiền hành-lý vứt đi vô lường.
Đem tiền thật mua hàng của giả,
Tiêu pha về vàng mã biết bao:
Khăn chầu áo ngự tốn sao,
Đền kia phủ nọ những nào liên-miên.
Lắm kẻ lại hay thiên cúng-cấp,
Hơi ốm đau là lập đàn-tràng;
Người thì tưởng, số mơ-màng,
Đem tiền khó kiếm nuôi phường ăn [không.
Rõ, tiền ném xuống sông là thế!
Việc cần hơn chẳng để mà tiêu;
Kể ra mê-tín còn nhiều,
Dân mình như thế, khỏi nghèo được [vay?
Cớ sau nữa dân nay còn đốt,
Đốt bao nhiêu càng tốt cho quan;
Lễ mừng, lễ tiễn chưa bàn
Cứ là đồng một lá đơn kém nào.
Lại lắm kẻ ra vào khấn-khứa,
Bán tiền-tài mua chữ hư-danh;
Lắm nhà hết sạch-sành-sanh,
Cũng vì kiện-tụng tranh-dành mà ra.
Đã đục nước, cò là phải béo,
Câu phương-ngôn sao khéo bảo nhau!
Cứ đem vứt mãi, tiền đâu?
Quan giàu, còn muốn dân giàu được a!
Nước Nam-Việt sao mà nghèo túng?
Những lẽ trên kể cũng không sai;
Văn-minh chẳng được bằng ai,
Thử ngồi mà nghĩ, đáng cười lắm thay!
Nếu ta muốn có ngày giàu mạnh,
Cõi Viêm-bang so-sánh Âu-châu;
Con đường tiến-hóa đi mau,
Kẻo mà thoái-bộ, dễ hầu được chăng?

Tương-giang-thị

THỜI-ĐÀM

■

PHÁP

Từ nay quan-lại Pháp đi nhiệm-chức ở thuộc-địa phải am-hiểu công việc ở thuộc-địa.

Vừa rồi quan Tổng-trưởng thuộc-địa ROLLIN có hỏi cách chọn lựa quan-lại sang thuộc-địa, nhờ thế mà ngài biết được rằng sở-dĩ có những điều bất-mãn phần nhiều là tại những quan-lại mới đi nhiệm-chức không am-hiểu công việc và dân-tình ở thuộc-địa. Muốn tránh điều lệ ấy, quan Tổng-trưởng bộ Thuộc-địa đã định từ nay mỗi viên quan trước khi sang thuộc-địa sẽ nhận được :

1°) Một bản nói rõ kỷ-luật và công việc của sở người ấy sẽ làm ở Thuộc-địa.

2°) Một bản nói rõ về thuộc-địa ấy.

3°) Một bản chỉ cách cư-xử phải giữ-gìn khi ở thuộc-địa.

Mỗi lần các viên quan ấy về *Paris* thì lại phải vào học thêm ở trường thuộc-địa nữa.

Số tiền dự chi vào việc quốc-phòng.

Số tiền dự-chi vào việc quốc-phòng của Pháp tổng-cộng là 5.689 triệu quan.

⁂

ĐỨC

Binh-khí và quân-đội của Đức.

Theo như lời của ông ARCHIMBAUD là nghị-viên Pháp thì cuối năm 1934, quân lính Đức sẽ được tới 480.000 người, trong số ấy thì 300.000 thuộc bộ chiến-tranh, mà đến năm 1935 số này sẽ tăng lên 600.000 người. Ấy là chưa kể bọn lính trừ-bị, lính tuần-cảnh, người của các cơ-quan Quốc-gia xã-hội, toán quân lao-động, các cựu chiến-binh, lính các đội xe phá lũy và xe ô-tô súng. Số này tính ra tới 4.000.000 người có thể đăng lính ngay được.

Về khoản không-quân, ông ARCHIMBAUD nói Đức có từ 3.500 đến 4 000 phi-công, và rất nhiều tàu bay. Hiện các nhà máy *Krupp* đang làm thêm nhiều đại-bác và thuốc súng.

Theo báo « *Daily Mail* » thì hiện Đức đang hết sức tăng tiến về không-quân. Báo ấy nói cả-quyết rằng nước Đức hiện đang đóng một số máy bay ngang với số của các nước khác trên thế-giới hợp chung lại (?)

⁂

NGA

Thương-ước Anh Nga.

Bộ ngoại-giao nước Anh và Lãnh-sự Nga đã điều-đình đem thi-hành thương-ước Anh Nga ký hồi Février 1934, mà hai nước đã nhận nhau là tối-huệ-quốc trong việc buôn bán. Theo thương-ước ấy thì các sản-vật về nông nghiệp và kỹ-nghệ của Nga sẽ được nhập-cảng rất dễ-dàng vào Ấn-độ, *Terre neuve*, và các thuộc-địa tại Á-châu,

Phi-châu và Mĩ-châu của Anh; mà các sản-vật của các thuộc-địa Anh cũng được nhập-cảng dễ-dàng vào đất Nga.

* * *

NHẬT

Nhật định hủy hiệp-ước Hoa-thịnh-đốn.

Các báo đăng tin rằng quan Ngoại-giao tổng-trưởng HIROTA đã cùng thủy-quân đề-đốc OKADA, thủ-tướng Nhật điều-đình về việc định ngày tuyên-bố hủy bỏ hiệp-ước hải-quân ký ở Hoa-thịnh-đốn, là hiệp-ước hạn-chế hải-quân của Nhật. Hai hội-đồng thường-trực và tối-cao đã ưng-chuẩn việc này.

Hôm gần đây quan đại-sứ Pháp có chuyền-đệ bản công-điệp, trả lời của Chính-phủ Pháp không đồng ý-kiến với Nhật. Nội-các Nhật quyết-định thông-cáo thẳng cho các nước ký hiệp-ước ấy biết ý quyết-định của Nhật, chẳng cần để ý đến thái-độ liệt-quốc nữa.

HỘI QUỐC-LIÊN

Nam-tư-lạp-phu tố-cáo Hung-gia-lị tại Hội Quốc-liên về vụ ám-sát vua Alexandre.

Người ta lo rằng vụ ám sát vua ALEXANDRE nước Nam-tư-lạp-phu sẽ là cái mầm chiến-tranh ở Âu-châu, vì nước Nam-tư-lạp-phu tố-cáo nước Hung ở hội Quốc-liên rằng nước Hung chủ-mưu cuộc ám-sát vua ALEXANDRE. Sự tố-cáo này làm sôi-nổi dư-luận Âu-châu và khiến cho thời-cục ở Âu-châu trở nên nghiêm-trọng. Nhưng nước Hung cho sự tố-cáo ấy là sự hiềm-thù của nước Nam-tư-lạp-phu chứ Hung quyết rằng không khi nào dùng thủ-đoạn ám-sát để làm phương-tiện trong trường chính-trị, mà đối với vụ ám-sát vua ALEXANDRE, Hung thật không dính-dấp gì đến. Chính-phủ Hung yêu-cầu hội Quốc-liên mau mau đem việc này ra xét để thân-oan cho mình và tránh sự không hay sẽ xảy tới cho Âu-châu.

THỜI-CỤC NƯỚC TÀU

■

Chính-phủ Nam-kinh gần đây đã điều-đình thân-thiện với phái Quảng-đông.

Vương Sủng-Huệ vừa ở miền nam về đến Nam-kinh trình-bày về việc đi liên-lạc các yếu-nhân ở miền nam, Uông Tinh-Vệ lại phái Vương xuống Hương-cảng để giục Hồ Hán-Dân lên Nam-kinh.

Uông Tinh-Vệ và Tưởng Giới-Thạch chịu nhượng-bộ hội-đồng chính-trị miền Tây-nam và chịu để quyền thi-hành luật-pháp cho các quan tỉnh. Uông và Tưởng lại hứa sẽ cho dân được tự-do bày-tỏ chính-kiến.

Tổng-trưởng bộ tài-chính Trung-hoa vừa thương-thuyết vay được của Mễ-tây-cơ 30 triệu « đô-la ». Số tiền vay này sẽ lấy số thuế thuốc lá làm bảo-đảm.

Quân-sự ủy-viên Tưởng Giới-Thạch mới rồi đi tuần-duyệt các tỉnh, đã từ Thái-nguyên (tỉnh thành Sơn-tây), bay về đến hành-doanh Nam-xương

(Giang-tây), các tướng-lĩnh ở hành-doanh đều ra đón cả ở trường bay. Tính ra Tưởng đi tuần-thị được 11 tỉnh, hết 40 ngày.

Các đoàn-thể phụ-nữ yêu-cầu bắt đàn ông có vợ mà cùng người thông-gian cũng phải chịu tội

Viện lập-pháp Nam-kinh vừa rồi sửa lại điều luật 223 như sau này: « Đàn-bà có chồng mà cùng người thông-gian, phải phạt một năm tội-đồ trở xuống; kẻ gian-phu cùng tội ». Đối với điều-luật ấy, các đoàn-thể phụ-nữ cho là bất-bình-đẳng quá, nên có triệu-tập mở một cuộc hội-nghị, quyết-nghị việc yêu-cầu viện lập pháp phải thêm vào điều-luật ấy như sau này: « Những đàn-ông có vợ mà cùng người thông-gian, phải phạt tội-đồ một năm trở xuống; kẻ dâm-phụ cũng cùng tội ».

Chấn-hưng Khổng-giáo

Từ khi phong-trào Âu-hóa tràn-ngập khắp nước Tàu, phái tân-học cấp-tiến hấp-thụ cái văn-minh vật-chất của Âu Mĩ, đều sôi-nổi lên bài bác Khổng-giáo muốn hủy-bỏ cả đi. Nhưng vừa đây, chính-phủ Tàu gồm những hàng thức-giả, họ thấy ra từ khi họ rời đức Khổng-tử ra, phong-hóa của họ thấy suy-sụp nhiều, mà sự suy-sụp ấy có hại ngay cho cuộc đời trước mắt của họ. Nên vừa đây toàn-quốc Trung-hoa quay lại tôn-sùng đức Khổng.

Chính-phủ Trung-hoa định rằng trong những thành-phố lớn cứ ngày 27 tháng 8 dương-lịch, đâu đâu cũng cử-hành những điều-lễ rất long-trọng để chấn-hưng lại Khổng-giáo.

Ngày 27 Août năm nay là ngày kỷ-niệm lần thứ 2485 của đức Khổng. Lễ kỷ-niệm làm rất long-trọng tại lăng ngài ở Khúc-phụ (*Tchu-fou*), có đại-biểu của chính-phủ Nam-kinh đến làm lễ chủ-tịch.

Ở Bắc-kinh thì cứ theo lễ cũ: các văn-thân cùng các hàng quan-lại đứng trước ngai thờ làm lễ lạy ba lạy, rồi một vài người đứng lên diễn-đàn, nhắc lại cái sự-nghiệp vĩ-đại của ngài có ảnh-hưởng đến nền văn-minh Á-đông như thế nào.

Ở Khúc-phụ thuộc tỉnh Sơn-đông là nơi sinh-trưởng của đức Khổng, hiện nay vẫn còn dòng-dõi ngài kế-thế. Gần đây các báo có đăng một cái ảnh cậu bé 12 tuổi, cháu chính-tông của ngài và chính là trưởng-tộc của họ Khổng, do cha DRANZMANN người Pháp sang giảng đạo Thiên-chúa ở Khúc-phụ chụp được.

Đường xe lửa Trung-đông

Mấy tháng trước kia Nhật Nga thương-lượng về việc bán con đường Trung-đông đã gần xong, nay lại bị trì-hoãn lại, ấy là vì vấn-đề bảo-lĩnh số tiền phải trả còn đang lôi-thôi. Mãn-châu-quốc là một nước bồ-nhìn mới thành-lập một mình đứng ra bảo-lĩnh trả số bạc rất lớn thì Nga đâu có chịu.

Bởi vậy Nga còn đòi Nhật phải đứng ra bảo-lĩnh nữa thì Nga mới ưng-thuận việc bán đường Trung-đông thiết-lộ được.

VIỆC TRONG NƯỚC

Lễ sinh-nhật đức Nam-Phương Hoàng-hậu. — Ngày 17 tháng 10 (23-11-1934), ở Huế đã làm lễ Trường-hi là lễ sinh-nhật đức Nam-Phương Hoàng-hậu, có các quan Tây Nam văn võ đến làm lễ mừng và thỉnh-an. Đức Bảo-đại có sắc dụ từ nay trở đi hằng năm cứ ngày 17 tháng 10 âm-lịch là ngày lễ Tràng-hi. Trong dịp lễ này đức Nam-phương Hoàng-hậu cấp 300 đồng bạc cho nạn-dân bị bão-lụt ở ba tỉnh Nghệ-an, Hà-tĩnh và Quảng-bình.

Hội Khai-trí làm lễ khánh-thành pho tượng kỷ-công quan Võ-hiển Hoàng-trọng-Phu.— Kỳ trước bản-chí đã nói rõ về pho tượng quan Võ-hiển, chiều ngày 24, đã làm lễ khánh-thành, có các hội-viên Tây Nam đến dự lễ rất đông, quan Hiệp-tá Nguyễn Năng-Quốc là phó-hội-trưởng thay mặt Hội đứng trước tiểu-tượng có lá cờ phủ kín đọc bài kỷ-niệm công-đức quan Võ-hiển đối với Hội. Quan Võ-hiển đáp lại có đọc một bài cảm-tạ Hội; hai người mở lá cờ để lộ tiểu-tượng ra, mọi người đều vỗ tay một hồi, rồi đều ra dự tiệc trà. Buổi tối đặt tiệc rượu có ca-công hát.

Quan Hiệp-tá đọc bài kỷ-niệm công-đức như sau này :

« Kính-trình cụ lớn Hội-trưởng.

« Anh em hội-viên Tây-Nam Hội Khai-trí-Tiến-đức chúng tôi, họp nhau đông đủ ở đây hôm nay, để rước cụ lớn đến chứng-giám cái lễ khánh-thành tiểu-tượng của bản-hội đã dựng lên để tỏ tấm lòng kính-ái của bản-hội đối với cụ lớn và kỷ-niệm cái công-ơn của cụ lớn đối với bản-hội.

« Tôi nhớ mười-lăm năm về trước, cái cơ-sở nguy-nga tráng-lệ này, hãy còn là một khoảng đất hoang-phế, cỏ mọc xanh um. Lúc bấy giờ nhờ có quan nguyên Nội-vụ-bộ Thượng-thư SARRAUT *làm Toàn-quyền Đông-dương, muốn cho Pháp-Việt đề-huề, lại được quan* MARTY *tán-trợ, cho nên hội Khai-trí Tiến-đức mới thành-lập được. Nhưng lúc ban đầu gặp nhiều nỗi khó-khăn : Nào là dư-luận xôn-xao, nào là tài-chính quẫn-bách, mà nhờ được cái chí quả-quyết, cương-nghị của cụ-lớn, cụ-lớn hô reo, thúc giục, dắt Hội ta đi khỏi một quãng đường khi-khu ; ngảnh lại mà xem, thấy cũng đã dài, trải biết bao nhiêu sự khó-khăn, thế mà lại làm được nhiều việc, đối với nước ngoài thì cũng chưa lấy gì làm quan-trọng, nhưng đối với nước nhà, đương lúc phôi-thai này thì cũng khả cho làm to-tát : như việc khuyến-sĩ, đặt ra ban văn-học, làm quyển « Việt-Nam tự-điển », là quyển sách mới sinh ra trong nước lần đầu, rồi quốc-dân mới có chỗ sở-cứ mà kê-cứu, để nói tiếng quốc-âm cho được hoàn-toàn. Nay đã làm được 15 tập, đến vần chữ K. xuất-bản để bán. Vừa rồi Hội có dâng vào Hoàng-đế một quyển và tặng quan Toàn-quyền một quyển, mông ân hai Ngài khen ngợi không tiếc lời. Hội lại có mở ra cuộc thi tiểu-thuyết, nên mới có quyển tiểu-thuyết đặt tên là « Quả dưa đỏ » của ông Nguyễn Trọng-Thuật viết ra mới thật là tiểu-thuyết An-Nam trước nhất, được độc-giả hoan-nghênh và cho là quyển sách có giá-trị. Việc khuyến-công, thì Hội đã mở ra nhiều cuộc đấu-xảo kỹ-nghệ, mỹ-thuật, khoa-học, đều được nhiều sự kết-quả rực-rỡ, Hội ta lại giúp cả đến việc cứu-tế là việc từ-thiện nữa : Năm 1932, Nghệ-tĩnh gặp cơn hoạn-nạn, Hội ta dứng lên hô-hào khuyên-giáo, cả Tây-Nam một lòng hưởng-ứng, quyên-cấp cho một số tiền hơn bảy vạn đồng ; sau cuộc lạc-quyên ấy còn mấy lần nữa, cũng để giúp nạn-dân Trung-kỳ, kết-quả không bằng lần trước, nhưng cũng được món tiền khá to.*

« Hội ta trên được Chính-phủ tín-nhiệm, các quan Toàn-quyền, Thống-sứ đều có trợ-cấp cho Hội về đường tài-chính, cho nên hội-quán

mới được lịch-sự khang-trang, dưới được quốc-dân hoan-nghinh, đi-lại, họp-tập, chơi-bời, làm một nơi giao-tế của người Pháp người Nam xum vầy để cố-kết mối tình thân-ái.

« Tòa nhà này, nay mai lại có thêm một tầng gác, đứng sừng-sững ở giữa đất Thăng-long là nơi phồn-hoa thắn-tập, trước mặt trông xuống phố Tràng-tiền, người đi như nước chảy ; một bên thì hồ Hoàn-kiếm, nước trong leo-lẻo, chùa Ngọc-sơn hương bay ngạt-ngào. Nào là nghiễn-đài, nào là bút-tháp, nào là bức tượng vua Lê ! Bát-ngát thay cảnh-vật, bút thần khó vẽ nên tranh.

« Bản-hội đồng-nhân được hưởng cái phong-cảnh tốt đẹp này, lẽ nào lại quên ơn người sáng-kiến ra công-cuộc ấy. Hội có nhờ ơn quan Khâm-sứ mới nước Ai-lao là ông MARTY tán-thành lúc đầu. Tiếc rằng hôm nay Ngài không có mặt ở đây để cho chúng ta được diện-tạ. Hội ta nhờ công cụ lớn Võ-hiển-điện Đại-học-sĩ Hoàng tướng-phủ dìu-dắt, tài-bồi từ bấy đến giờ, công-trình kể biết mấy mươi ! Vì vậy hội-đồng quản-trị của Hội đã tìm cách đền ơn cụ lớn. May nhân lúc cụ lớn đi du-lịch vắng, hội-đồng chúng tôi thừa cơ bàn nhau làm cất lên cụ lớn, dựng bức tượng bán thân của cụ lớn ở nơi chính-trung gian kia, để tỏ tấm lòng biết ơn của bản-hội đối với cụ lớn, bởi vì bàn nhau nếu trong lúc cụ lớn ở nhà thì chẳng khỏi cụ lớn biết mà gạt đi thôi.

« Hôm nay tôi mà được làm chủ-tọa cái lễ khánh-thành tiểu-tượng của một bậc Vĩ-nhân nước Nam, cũng vì nhờ bạn đồng hội có bụng quá yêu suy-cử cho tôi làm chức Phó-hội-trưởng, vinh-diệu cho tôi, vẻ-vang cho tôi biết là bao ! Mà cũng là một sự khó-khăn cho tôi lắm nữa, vì tôi không phải là một nhà văn sĩ quen làm diễn-văn cho nên lời lẽ ngây-ngô, dám xin cụ lớn và cử-tọa tha lỗi.

« Nay gọi là có mấy lời phác-thực, để bày tỏ tấm lòng thành-kính của bản-hội đối với cụ lớn và thay mặt bản-hội đồng-nhân Tây Nam kính chúc cụ lớn trường-thọ và chúc cho bản-hội vĩnh-tồn ».

Quan Võ-hiển đọc bài cảm-tạ Hội như sau này :

« Kính trình quan Phó-hội-trưởng và các hội-viên.

« Tôi vừa được nghe lời quan Phó-hội-trưởng nói, rất lấy làm cảm-động và xin thâm tạ thịnh-tình. Tôi xin kể qua cái chủ-ý lúc bắt đầu cần phải lập ra nhà Hội-quán này :

« Đức Khổng phu-tử có nói rằng : « Tùy thời chi nghĩa đại hĩ tai », thời chúng ta đương lúc Mĩ-vũ, Âu-phong khích-thích, có qui Bảo-hộ là nước văn-minh tiến-tiến, đương dìu-dắt lên con đường tiến-hóa, thời sự Pháp Việt đề-huề, chúng ta nên lấy làm chủ-nghĩa thứ nhất, đã muốn được Pháp Việt đề huề, thì tất phải có nơi hội-sở để được Tây Nam đắc bằng, bắc nam họp mặt lui tới trò chuyện, cho được cố-kết mối tình thân-thiện, hội quán này là cơ-quan đoàn-thể của chúng ta.

« Phàm việc gì công-ích, công-lợi cả toàn-thể quốc-dân, thì một vài người không thể cáng-đáng nổi, tất phải nhờ tài-lực của đại-đa-số mới làm được, nên chúng ta cần phải lấy nghĩa hợp-quần làm mục-đích, đã muốn hợp-quần, thì tất phải có nơi hội-sở làm chỗ từ-dân ta đi lại hội-hợp, công kia, việc nọ, trao đổi ý-kiến mà mưu toan các việc công-ích.

« Ấy chủ-ý lúc bắt đầu là thế, lại được mấy ông cùng đồng-ý như tôi, bèn đem việc ấy ra trình thỉnh với các vị thủ-hiến qui Bảo-hộ, khi ấy nhờ có quan Toàn quyền ALBERT SARRAUT và các qui-quan, không những là chuẩn cho được phép lập hội, mà lại còn giúp của giúp công cho nữa, lại có vị sung vào chức tán-trợ hội-viên, từ đấy đến nay, các vị thủ-hiến qui Bảo-hộ cứ kế-tiếp nhau mà hết lòng săn-sóc trông nom cho Hội, mà nhất là quan Khâm-sứ Lào bây giờ là ông MARTY, thì lại có tình thân-thiện với Hội ta nhiều lắm.

« Về từ-dân ta, khi ấy chúng tôi hô-hào, thì ai ai cũng sẵn lòng hoan-nghênh, được ngay một số hội-viên rất đông, rồi cơ-sở Hội ta lập thành tự đó, mà bốn chữ tên hội ta ngày thêm rõ rệt.

« Trong quãng hơn mười năm nay, được các hội-viên có lòng tín-nhiệm, cứ bắt tôi phải giữ chức Hội-trưởng mãi, dù khi có bận việc nước, việc nhà bề-bộn, có ý từ chối mà cũng không được, nên tôi vẫn cứ phải mãnh-miễn, lúc nào cũng phải làm hết nghĩa-vụ đối với chức-trách của mình.

« Các sự công-ích, công-lợi của Hội ta đã làm ra được, như lời quan Phó hội-trưởng

vừa kể ra đây, thì toàn là nhờ về sự tài-năng, học-thức, và sự tận-tâm của các giới, các phái trong Hội ta cả, riêng về phần tôi làm sao nổi, thế mà hội qui-công cả cho tôi thì e là nặng lắm. Xin hãy lấy ngay cái thì dụ rất gần, nói ngay như cái nhà hội-quán ta đây, nào có phải một viên gạch, một tảng đá, hay là một phiến sắt, phiến gỗ tâm nên được đâu, phải góp sức lại mỗi thứ làm một việc mới thành ra cái cảnh-tượng ngay-ngắn rực-rỡ ấy. Hội ta có đủ các giới, đủ các phái gánh vác mà thành ra, có khác gì phải có đủ tài-liệu mới làm nên được hội-quán, tôi chỉ là một viên đá hay là một viên gạch khi mới đặt móng xây nền mà thôi.

« Lẽ thường xưa nay vào trong một cái nhà rực-rỡ ngay-ngắn, phần nhiều là thưởng-thức những cái mái đẹp, cái tường cao, chứ viên đá, viên gạch ở chân nền, đã mấy ai trông thấy và mấy ai nhớ đến.

« Nay các Ngài dựng tượng kỷ-niệm cho tôi ở cái nhà này, thực là biểu-dương cái điều mà người ta không thấy, và ghi nhớ cái điều mà người ta dễ quên, thịnh-tình chan-chứa biết đường nào, tôi cảm-động biết đường nào! Nhân lúc tôi đi du-lịch vắng, ở nhà các Ngài Hội-viên có lòng quá yêu qui tặng cho tôi cái vinh dự sinh-kỷ-niệm như thế này, thì thực là cả vang cho tôi vô-cùng, mà lại làm cho tôi phải lo nghĩ làm sao để xứng-đáng với pho tượng đồng dựng trang-nghiêm ở giữa nơi hội-quán này, tức là không phụ cái danh-dự nên tảng nơi hội-quán này vậy.

« Việc đặt tượng này nếu tôi có mặt ở nhà thì thực không khi nào dám nhận, lời quan Phó-hội-trưởng đã nói cái ý ấy, thực là một người bạn tâm-tri với tôi vậy.

« Khi tôi chưa du-lịch, tôi đã muốn bàn cùng với các ngài dựng một tấm bia đá để kỷ-niệm các vị đã có công lao khó nhọc khi sáng-lập, mà nay đã quá-cố như cụ Đông-các Phạm Văn Thụ, Cụ Đông-các Thân Trọng-Huề, Cụ Hiệp-tá Lê Trung-Ngọc, Cụ Bạch-Thái Bưởi, Cụ Nguyễn Hữu-Thu vân vân. Nhưng lời bàn ấy chưa quyết định thì tôi đi vắng, ngờ đâu nhân dịp vắng ấy mà Hội làm sinh-kỷ-niệm cho tôi, khiến cho tôi bàng-khuâng khôn xiết!

« Dịp tôi du-lịch vừa rồi, mắt được thấy biết bao nhiêu là danh-sơn, đại-xuyên, vật-hoa thiên-thảo, của các nước văn-minh phú-cường, làm cho tầm con mắt và tư-tưởng rộng thêm ra, lại thấy sự kinh-tế khẩng-hoảng, thì ra khắp Âu Mĩ nước nào cũng có, không riêng một nước ta, mà bên Âu-châu thì lại nhiều các hội-đàng lắm, xem ra ai ai cũng một lòng kiên-nhẫn, biết tri-thủ tiết-kiệm để giữ lấy công cuộc của nội cho được vững bền mong cho qua khỏi lúc thời-vận khó-khăn này.

« Tiền-triết có câu rằng: « Nhất thế nhân liễu nhất thế sự », câu đó có thể làm phương-châm cho đồng-nhân Hội ta được, nghĩa là: Đương-thời chúng ta đây, thấy có việc gì nên làm, hay có thể làm được, ta cứ hết lòng, hết sức làm cho kỳ đạt tới mục-đích mới thôi, chứ kể công-cuộc của Hội ta thì đường còn dài mà gánh còn nặng, mong rằng ai là người sẽ kế-tiếp sau này, cứ tuần-tự mà làm cho mục-đích Hội ta lên được cực-điểm, ấy là điều chi-nguyện của chúng ta vậy ».

Những câu hãm khi tiệc rượu như sau này:

1

Vâng trình hội-chủ xem tường,
Một lời vâng tạc đá vàng thủy chung;
Trơ như đá vững như đồng,
Đầu mày cuối mắt càng nồng tấm yêu;
Lộc trọng quyền cao.

2

Một nhà xum họp trúc mai,
Bên lời vạn-phúc bên lời hàn-huyên;
Cùng người một hội một thuyền,
Kể làm sao xiết muôn vàn ái ân;
Tổng-đốc trọng-thần.

3

Rõ quan Chủng-tể họ Hoàng,
Áo khăn như đúc, dung-quang như đồng;
Nền Khai-trí đất Thăng-long,
Càng nhìn phong độ, càng trông tinh-thần;
Nặng lòng vì nước, vì dân,
Công này khôn bắc đồng cân cho vừa;
Trí đức có thừa.

Dời hai châu-lị thuộc tỉnh Hòa-bình.— Quan Thống-sứ có nghị-định cho dời châu-lị Lương-sơn ra chỗ cây số 43 đường Hà-nội — Hòa-bình; dời châu-lỵ Lạc-sơn xuống Vụ-bản (Hòa-bình).

Đạo Cao-đài được truyền-bá ở Bắc-kỳ.— Quan Toàn-quyền mới cho phép đạo Cao-đài được truyền-bá ở xứ Bắc-kỳ.

Đạo Hồi-hồi ở Hải-phòng. — Những người theo đạo Hồi-hồi ở Hải-phòng đã góp được ba vạn đồng bạc để làm nhà thờ đạo ấy ở phố *Agent Guinet* Hải-phòng. Nhà thờ này có cái tháp cao 19 thước tây.

Đức Bảo-đại ngự thăm các miền bị bão-lụt.— Ngày 28, đức Bảo-đại cùng quan Khâm-sứ đã đi thăm các nạn-dân bị bão-lụt ở Nghệ, Tĩnh và Quảng-bình.

■

Giới-thiệu sách mới

Bản-chí mới nhận được mấy quyển sách sau này của ông giáo Đặng Đình-Hướng soạn gửi tặng:

Văn tây, tiếng tây. — Quyển này giúp cho người biết quốc-ngữ rồi có thể học lấy mà đọc được chữ Pháp. Có 700 tiếng *mots* và 88 câu nói chuyện, bên chữ Pháp bên quốc-ngữ. Sách dầy 22 trang, giá 6 xu.

Sách tập đọc, học tiếng tây.— Quyển này dùng cho lớp tư và lớp năm, đã được hội-đồng Học-chính duyệt-y cho dùng trong các trường công Đông-pháp. Dầy 98 trang, giá 2 hào.

Tu là cội phúc.— Sách nói về cách sửa mình, có 8 trang, giá 2 xu.

Chuyện Đấng cứu-thế. — Soạn theo lối văn lục-bát, tóm-tắt truyện Đấng cứu-thế, sách khổ nhỏ, 12 trang, giá 3 xu.

Bản-chí vui lòng giới-thiệu những sách trên này cùng độc-giả.

■

NAM-PHONG TỦNG-THƯ

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài)

Mới xuất-bản:

Tường Lôi-xích. giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước:

1.— Văn-minh-luận 4 hào.
2.— Ba tháng ở Paris 4 hào.
3.— Văn-học nước Pháp 4 hào.
4.— L'idéal du Sage 4 hào.
5.— Chính-trị nước Pháp:
Quyển thứ I 4 hào.
Quyển thứ II 5 hào.
6.— Khảo về tiểu-thuyết 4 hào.
7.— Lịch-sử thế-giới 4 hào.
8.— Le Paysan Tonkinois 4 hào.
9.— Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE 4 hào.
10.— Phật-giáo đại-quan. (In lần thứ hai) 5 hào.
11.— La Poésie annamite. 4 hào.
12.— Tục-ngữ ca-dao. 4 hào.